

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Sinh viên : Lê Thành Đạt

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Thị Diệp

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÍN DỤNG CHÍNH
SÁCH TẠI PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CSXH
QUẬN HỒNG BÀNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Sinh viên : Lê Thành Đạt

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Thị Diệp

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thành Đạt Mã SV: 1412404026

Lớp: QT1801T Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Tên đề tài: **Hoàn thiện công tác quản lý tín dụng chính sách tại
Phòng giao dịch ngân hàng CSXH quận Hồng Bàng**

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU..... 4

CHƯƠNG I CÓ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH CỦA NGÂN HÀNG..... 8

1.1. TỔNG QUAN VỀ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH 8

1.1.1. Khái niệm tín dụng chính sách..... 8

1.1.2. Đặc điểm tín dụng chính sách..... 8

1.1.3. Vai trò của tín dụng chính sách..... 9

1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH CỦA NGÂN HÀNG..... 9

1.2.1. Khái niệm về quản lý tín dụng chính sách..... 9

1.2.2. Mục tiêu quản lý tín dụng chính sách 10

1.2.4. Các nhân tố tác động đến công tác quản lý tín dụng chính sách..... 12

1.3. Các chỉ tiêu đánh giá..... 20

1.3.1. Tín dụng Ngân hàng thúc đẩy quá trình tích tụ tập trung vốn nhàn rỗi trong xã hội và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn..... 20

1.3.2. Tín dụng Ngân hàng góp phần đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng và tổ chức điều hoà lưu thông tiền tệ 22

1.3.3. Tín dụng Ngân hàng góp phần tăng cường việc chấp hành chế độ hạch toán trong các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn .. 23

1.3.4. Tín dụng Ngân hàng góp phần giải quyết các vấn đề xã hội 24

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI QUẬN HỒNG BÀNG 27

2.1. Giới thiệu NHCSXH quận Hồng Bàng..... 27

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển. 27

2.1.2. Cơ cấu tổ chức hoạt động, chức năng nhiệm vụ các bộ phận..... 28

Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức phòng giao dịch NHCSXH Quận Hồng Bàng 29

2.2. Thực trạng công tác quản lý tín dụng chính sách tại NHCSXH Quận Hồng Bàng..... 31

2.2.1. Công tác quản lý nguồn vốn tín dụng chính sách	31
2.2.2. Công tác quản lý khách hàng vay vốn	35
2.2.3. Điều kiện vay vốn và giới hạn tín dụng tại Phòng giao dịch.....	39
Công tác quản trị mạng lưới, Hội, Đoàn thể nhận ủy thác một số công đoạn cho vay	43
Tổ tiết kiệm và vay vốn	43
Điểm giao dịch phường	45
Cho vay nhà ở xã hội.....	46
2.3.1 Thành tựu đạt được.....	53
2.3.2 Một số hạn chế	53
2.3.3 Nguyên nhân của hạn chế.....	54
CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH TẠI PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CSXH QUẬN HỒNG BÀNG.....	57
3.1. Phương hướng hoạt động tín dụng của PGD NHCSXH quận Hồng Bàng.	57
3.2 Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tín dụng chính sách tại phòng giao dịch ngân hàng CSXH quận Hồng Bàng	58
3.2.1 Quan điểm cho vay	58
3.2.2 Một số giải pháp nâng cao hiệu quả tín dụng	59
3.3 Một số kiến nghị	66
3.3.1 Kiến nghị với cơ quan nhà nước.....	66
3.3.2 Kiến nghị với NHCSXH.....	67
KẾT LUẬN.....	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	70

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vai trò của Tín dụng chính sách là giải pháp thoát nghèo, đảm bảo ASXH ở Việt Nam. Đói nghèo là một vấn đề xã hội mang tính toàn cầu, đặc biệt là với những nước kém phát triển và đang phát triển trong đó có Việt Nam. Những năm gần đây, nhờ có chính sách đổi mới, đời sống của đại đa số nhân dân đã được nâng lên một cách rõ rệt. Song, một bộ phận không nhỏ dân cư, đặc biệt là dân cư ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa... đang chịu cảnh nghèo đói, chưa đảm bảo được những điều kiện tối thiểu của cuộc sống. Sự phân hóa giàu nghèo đang diễn ra ngày càng mạnh, là vấn đề xã hội cần được quan tâm. Chính vì lẽ đó chương trình xóa đói giảm nghèo là một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới đói nghèo, trong đó có một nguyên nhân quan trọng đó là thiếu vốn sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy Đảng và Nhà nước ta đã xác định tín dụng Ngân hàng là một mắt xích không thể thiếu trong hệ thống các chính sách phát triển kinh tế - xã hội xoá đói giảm nghèo của Việt Nam. Điểm mạnh hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận thuận lợi với Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng đưa các hoạt động nghiệp vụ về phục vụ ngay tại điểm giao dịch phường thông qua hoạt động của tổ giao dịch phường. Điểm giao dịch phường được hiểu là nơi Ngân hàng tổ chức giao dịch với khách hàng, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn. Tuy nhiên, trong quá trình cho vay của NHCSXH trong thời gian vừa qua còn nhiều vấn đề như hiệu quả sử dụng vốn còn thấp, hộ vay sử dụng vốn sai mục đích còn cao, chất lượng tín dụng còn chưa tốt. Để giải quyết tốt vấn đề quản lý tín dụng của NHCSXH nói chung, đòi hỏi phải được nghiên cứu một cách có hệ thống, khách quan và khoa học, phải có sự thường xuyên quan tâm của nhà nước cũng như toàn phường hội. Với những lý do nêu trên, tôi mạnh dạn chọn đề tài "Hoàn thiện

công tác quản lý tín dụng chính sách tại phòng giao dịch ngân hàng CSXH quận Hồng Bàng”

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Hoạt động kinh doanh ngân hàng tiềm ẩn nhiều rủi ro như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá... Trong đó rủi ro khó phòng ngừa nhất của ngân hàng là rủi ro từ hoạt động tín dụng. Do đó, quản lý tín dụng luôn là một vấn đề mang tính thời sự được quan tâm nghiên cứu ở bất cứ thời điểm phát triển nào của đất nước. Cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu của các chuyên gia, giáo sư thực hiện về vấn đề này. Tác giả đề xuất các giải pháp đổi mới hoạt động tín dụng của hệ thống các ngân hàng thương mại nhà nước Việt Nam. Bên cạnh những nghiên cứu chung về quản lý rủi ro tín dụng cho cả hệ thống ngân hàng thương mại, cũng đã có những nghiên cứu tập trung đánh giá quản lý rủi ro tín dụng và giải pháp tín dụng cho phát triển kinh tế của từng vùng miền. Do vậy, việc nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần bổ sung về lý luận và thực tiễn cho công tác quản lý tín dụng trong công tác xóa đói giảm nghèo của các địa phương. Điểm mạnh phòng giao dịch hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận thuận lợi với Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng đưa các hoạt động nghiệp vụ về phục vụ ngay tại điểm giao dịch phường thông qua hoạt động của tổ giao dịch phường. Điểm giao dịch phường được hiểu là nơi Ngân hàng tổ chức giao dịch với khách hàng, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu: Nghiên cứu về tín dụng và quản lý tín dụng tại Ngân hàng CSXH để tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tín dụng tại NHCSXH quận Hồng Bàng

Nhiệm vụ nghiên cứu:

Nhằm hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tín dụng và hoạt động quản lý tín dụng.

Phân tích và đánh giá thực trạng về tín dụng chính sách và hoạt động quản lý tín dụng chính sách của NHCSXH quận Hồng Bàng

Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý tín dụng của NHCSXH quận Hồng Bàng

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động quản lý tín dụng chính sách của NHCSXH quận Hồng Bàng

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu cho vay hoạt động quản lý tín dụng chính sách NHCSXH quận Hồng Bàng

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp quan sát khoa học, phương pháp tổng hợp, thống kê, chứng minh, diễn giải, sơ đồ, biểu mẫu và đồ thị trong trình bày luận văn. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận văn Phương pháp phân tích tổng hợp và so sánh: sẽ được áp dụng trong việc nghiên cứu các lý luận và thực tiễn về công tác quản lý tín dụng, tra cứu luật, nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư hướng dẫn... của nhà nước, của NHNN và NHCSXH về tín dụng ngân hàng. So sánh hoạt động quản lý tín dụng tại các đơn vị khác để từ đó tổng hợp và rút ra bài học kinh nghiệm cho quản lý tín dụng của NHCSXH tại đại bàn. Phương pháp phân tích thống kê: sử dụng phương pháp này để mô tả đặc tính của các biến trong bảng khảo sát như giá trị trung bình, tỷ lệ phần trăm. Các kết quả nghiên cứu sau khi được xử lý sẽ được trình bày trong khóa luận dưới dạng bảng số liệu, biểu đồ và đồ thị. Phương pháp mô hình hóa và phân tích kỹ thuật: tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp phân tích kỹ thuật và mô phỏng theo các sơ đồ, bảng biểu để

đánh giá kết quả đạt được trong công tác quản lý tín dụng của NHCSXH quận Hồng Bàng

6. Những đóng góp mới khóa luận

Trên cơ sở nghiên cứu tại NHCSXH trên địa bàn, em đã đưa ra các nhóm giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý tín dụng, đó là: Sự phối hợp chặt chẽ giữa NHCSXH với các tổ chức nhận ủy thác, phải hoàn thiện mô hình mạng lưới hoạt động; gồm hoàn thiện mạng lưới các điểm giao dịch và tổ tiết kiệm và vay vốn. Đối với tổ TK&VV phải xây dựng trên cơ sở bền vững, có số lượng tổ viên đông đảo và dư nợ tương đối lớn để hoạt động có hiệu quả. Luận văn cũng đã đề ra các giải pháp đối với hộ gia đình, đó là nên mở rộng hình thức cho vay, mở rộng ngành nghề sản xuất không đơn thuần chỉ sử dụng vào mục đích chăn nuôi. Mức vay, thời hạn cho vay nên linh hoạt theo từng dự án, từng vùng miền. Đối với các hộ vay vốn phải tích cực tham gia tiền gửi tiết kiệm qua tổ TK&VV.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu và kết luận danh mục tài liệu tham khảo, gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động quản lý tín dụng chính sách

Chương 2: Thực trạng hoạt động quản lý tín dụng chính sách tại NHCSXH tại Phòng giao dịch quận Hồng Bàng

Chương 3: Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý tín dụng chính sách NHCSXH tại Phòng giao dịch quận Hồng Bàng

CHƯƠNG I CỐ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH CỦA NGÂN HÀNG.

1.1. TỔNG QUAN VỀ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH

1.1.1. Khái niệm tín dụng chính sách.

Khái niệm tín dụng chính sách là công cụ tài chính quan trọng là hệ thống các biện pháp liên quan đến việc thực hiện các chương trình tín dụng, ưu đãi của chính phủ để thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. NHCSXH được nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chương trình tín dụng

1.1.2. Đặc điểm tín dụng chính sách.

Đặc điểm tín dụng chính sách

Với quan điểm về tín dụng chính sách nêu trên, một số các đặc điểm của hình thức hoạt động này được phân tích dưới đây để hiểu rõ hơn bản chất của tín dụng chính sách.

Thứ nhất, tổ chức tín dụng được Nhà nước chỉ định hoặc do Nhà nước thành lập để thực hiện tín dụng chính sách trong lĩnh vực ASXH.

Thứ hai, tín dụng chính sách là kênh tín dụng của Chính phủ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Khác với tín dụng thương mại, mục tiêu của tín dụng chính sách là cho vay để phục vụ SXKD, tạo việc làm, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về XDGN, ổn định kinh tế – chính trị và bảo đảm ASXH.

Thứ ba, đối tượng vay vốn tín dụng chính sách là người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo chỉ định của Chính phủ. Chính phủ quyết định đối tượng vay vốn theo từng chương trình tín dụng.

Thứ tư, nguồn vốn của tín dụng chính sách là nguồn vốn của Nhà nước, tức là nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ Ngân sách.

Thứ năm, Chính phủ hoặc người được Chính phủ ủy quyền quyết định về lãi suất cho vay, điều kiện vay, thủ tục cho vay và cách tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính sách.

Thứ sáu, phương thức cho vay đa dạng: Tổ chức quản lý tín dụng chính sách có thể cho vay trực tiếp đến khách hàng, có thể ủy thác một phần hoặc toàn phần cho các tổ chức tín dụng khác và có thể ủy thác một số công đoạn trong quy trình tín dụng cho các tổ chức CTXH.

1.1.3. Vai trò của tín dụng chính sách

- Thứ nhất Tín dụng chính sách là giải pháp thoát nghèo, đảm bảo ASXH ở Việt Nam.

- Thứ hai, tín dụng chính sách góp phần vào sự phát triển kinh tế.

- Thứ ba, tín dụng chính sách góp phần ổn định chính trị đất nước.

- Thứ tư, tín dụng chính sách làm cầu nối và tạo điều kiện phát huy chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Thứ năm, Tín dụng chính sách góp phần tăng cường vai trò quản lý của Chính quyền địa phương.

- Thứ sáu, tín dụng chính sách góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng trong cả nước.

1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH CỦA NGÂN HÀNG

1.2.1. Khái niệm về quản lý tín dụng chính sách

“Quản lý tín dụng chính sách là một quá trình gồm những hoạt động phối hợp, liên kết, thống nhất từ trung ương đến cơ sở của các cấp chính quyền, hội đoàn thể, NHCSXH và của những người vay vốn trong lĩnh vực tín dụng chính

sách nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo ASXH với chi phí thấp nhất và hiệu quả cao nhất”.

1.2.2. Mục tiêu quản lý tín dụng chính sách

Trong nền kinh tế thị trường, một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển được thì phải thắng trong cạnh tranh. Khi nền sản xuất hàng hoá ngày càng phát triển thì cạnh tranh ngày càng gay gắt. Cạnh tranh diễn ra trên 3 phương diện: Số lượng, chất lượng, giá cả trong đó chất lượng đóng vai trò quan trọng hàng đầu, tạo điều kiện nâng cao tỷ lệ chiếm lĩnh thị trường.-

Ngân hàng là một doanh nghiệp đặc biệt kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ và có tác động rất lớn tới toàn bộ nền kinh tế bởi thực tế cho thấy nguyên nhân của hầu hết các các cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra đều bắt đầu từ ngân hàng. Do đó vấn đề nâng cao chất lượng tín dụng ngân hàng là rất cần thiết.

Vậy ta hiểu chất lượng tín dụng Ngân hàng là như thế nào?

“ Chất lượng tín dụng Ngân hàng là sự đáp ứng một cách tốt nhất yêu cầu của khách hàng (người gửi tiền và người vay tiền) trong quan hệ tín dụng, đảm bảo an toàn hay hạn chế rủi ro về vốn, tăng lợi nhuận cho Ngân hàng phù hợp và phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội”.

Việt Nam trong điều kiện hiện nay với sự bùng ra của cơ chế mới ngoài các Ngân hàng quốc doanh đã xuất hiện hàng loạt các loại hình Ngân hàng khác nhau như: Các Ngân hàng liên doanh, các Ngân hàng cổ phần, các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài. Chính sự xuất hiện này, đã làm cho mức độ cạnh tranh trên thị trường Ngân hàng ngày càng tăng. Điều này đòi hỏi các Ngân hàng phải luôn luôn tìm ra giải pháp nhằm thắng lợi trong cạnh tranh, nâng cao uy tín vị thế của mình trên thị trường. Một trong những biện pháp đó chính là phải nâng cao chất lượng tín dụng. Chất lượng tín dụng được thể hiện cụ thể qua các chỉ tiêu có thể tính toán được như: kết quả kinh doanh, dư nợ, nợ quá hạn..., đồng thời nó cũng được thể hiện qua khả năng thu hút khách hàng và mức độ tác

động tới nền kinh tế. Để có được chất lượng tín dụng thì hoạt động tín dụng phải có hiệu quả và quan hệ tín dụng phải được thiết lập trên cơ sở tin cậy và uy tín. Hiểu đúng bản chất của tín dụng hiện tại cũng như xác định chính xác các nguyên nhân của những tồn tại về chất lượng sẽ giúp cho ngân hàng tìm được những biện pháp thích hợp để có thể đứng vững trong nền kinh tế thị trường.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất và lưu thông hàng hoá, tín dụng Ngân hàng cũng không ngừng phát triển nhằm cung cấp thêm các phương tiện để đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng tăng của xã hội đòi hỏi chất lượng tín dụng cần phải được quan tâm hơn. Hơn nữa, việc đảm bảo chất lượng tín dụng là điều kiện để Ngân hàng làm tốt vai trò trung tâm thanh toán của mình. Chất lượng đảm bảo sẽ tăng vòng quay của vốn tín dụng để có thể tạo ra số lần giao dịch lớn hơn, làm giảm lượng tiền trong lưu thông, mở rộng phạm vi thanh toán không dùng tiền mặt từ đó giảm chi phí lưu thông trong xã hội. Như vậy, nghiệp vụ tín dụng của Ngân hàng có quan hệ chặt chẽ với số lượng tiền mặt trong lưu thông – nguyên nhân tiềm ẩn của lạm phát. Làm tốt công tác tín dụng sẽ giảm bớt lượng tiền trong lưu thông, góp phần kiềm chế lạm phát, điều hoà và ổn định lưu thông tiền tệ.

Mặt khác, chúng ta thấy rằng với một chính sách tín dụng đúng đắn và được thực hiện có chất lượng không những hỗ trợ cho các ngành kém phát triển, thúc đẩy các ngành mũi nhọn mà còn góp phần vào việc tăng hiệu quả sản xuất kinh tế xã hội đảm bảo sự cân đối giữa các vùng, giải quyết các vấn đề mang tính xã hội... tạo điều kiện đưa đất nước ta tiến nhanh trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thông qua khâu phân tích khả năng phát triển của đối tượng định đầu tư để đánh giá chất lượng khoản tín dụng từ đó đưa ra những quyết định đầu tư đúng đắn sẽ khai thác tốt tiềm năng về tài nguyên, lao động... tăng cường năng lực sản xuất, cung ứng ngày càng nhiều sản phẩm cho xã hội, giải quyết việc

làm, tăng thu nhập cho người lao động. Việc thực hiện đúng nguyên tắc tín dụng sẽ góp phần cho vay đúng đối tượng, hạn chế và xoá bỏ nợ cho vay nặng lãi ở các vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh.

Một lý do quan trọng mà ta phải đề cập đến là việc nâng cao chất lượng tín dụng có vai trò quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của Ngân hàng. Bởi chất lượng tín dụng có tốt mới tăng khả năng cung cấp dịch vụ do tạo thêm được nguồn vốn từ việc quay vòng vốn tín dụng, thu hút được nhiều khách hàng bởi các hình thức sản phẩm dịch vụ đa dạng. Chất lượng tín dụng Ngân hàng tốt sẽ làm tăng khả năng sinh lời do giảm được sự chậm trễ, giảm chi phí nghiệp vụ, chi phí quản lý, các chi phí thiệt hại do không thu hồi được vốn đã cho vay. Từ đó, tạo ra thế mạnh và nâng cao uy tín cho ngành Ngân hàng trong hoạt động kinh doanh tiền tệ của mình. Chính nhờ đó mà tạo ra điều kiện cho sự tồn tại và phát triển lâu dài của Ngân hàng. Vì vậy, các Ngân hàng luôn luôn phải quan tâm tới việc nâng cao chất lượng tín dụng.

1.2.4. Các nhân tố tác động đến công tác quản lý tín dụng chính sách

Hoạt động tín dụng phụ thuộc rất nhiều vào nền kinh tế. Chu kỳ kinh tế phát triển có tác động không nhỏ đến hoạt động tín dụng. Hiện nay tình trạng lạm phát đang rất cao sản phẩm sản xuất ra không đủ phục vụ nhu cầu tiêu dùng, giá cả các loại mặt hàng đều tăng mạnh nhất là các mặt hàng về thực phẩm, xăng dầu.... Là nguyên nhân dẫn đến tình trạng đồng tiền bị giảm khả năng thanh toán. Chính vì vậy người dân không gửi tiền vào ngân hàng mà đem đầu tư vào BĐS hay tích trữ bằng vàng. Do đó làm cho ngân hàng mất đi một nguồn vốn huy động trong dân. Từ đó lãi suất tiền gửi sẽ tăng dẫn đến lãi suất cho vay cũng tăng. Mặt khác do cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính, các ngân hàng để thực hiện được nhiều hợp đồng tín dụng sẽ cố gắng cho vay mà bỏ qua nguyên tắc cơ bản của tín dụng nhằm thu hút khách hàng. Vì thế mà chính sách lãi suất cũng bị ảnh hưởng rất lớn. Hoạt động tín dụng chịu ảnh hưởng trực tiếp của các nhân tố:

***Nhân tố xã hội**

Quan hệ tín dụng là sự kết hợp của 3 nhân tố.

+ Đạo đức xã hội.

+ Trình độ dân trí

+ Tình hình chính trị xã hội.

Bên cạnh đó sự biến động nền kinh tế ở nước ngoài cũng có ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng.

*** Các yếu tố bên ngoài**

- *Nhân tố pháp lý*

Pháp luật là bộ phận không thể thiếu của nền kinh tế thị trường, sự điều tiết của nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Với vai trò đảm bảo cho việc dịch chuyển nền kinh tế từ kém phát triển sang một nền kinh tế văn minh, pháp luật có nhiệm vụ tạo lập pháp lý để giải quyết vấn đề khiếu nại tố cáo khi có tranh chấp xảy ra. Mọi hoạt động kinh doanh trong đó có hoạt động của ngân hàng đều chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Với hoạt động tín dụng ngân hàng là Luật các tổ chức tín dụng và hệ thống các quy chế cụ thể trong từng thời kỳ về lãi suất, dự trữ, hạn mức ... Trong sự ràng buộc về pháp luật làm ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng cũng như chất lượng tín dụng. Vì vậy nhân tố pháp luật có vai trò rất quan trọng trong các hệ thống ngân hàng.

- *Nhân tố môi trường tự nhiên*

Nước ta là một nước có khí hậu nhiệt đới gió mùa, hơn nữa thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh lại thường xuyên xảy ra. Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng rất lớn đến một số ngành đặc biệt là những ngành có liên quan đến nông nghiệp, thủy hải sản. Môi trường là nhân tố ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động cũng như chất lượng tín dụng của ngân hàng nói riêng và nền kinh tế Việt nam nói

chung. Vì vậy việc đầu tư vào những ngành này có thể bị rủi ro cao do môi trường tự nhiên gây ra.

- Tình trạng của nền kinh tế

Tình trạng nền kinh tế cũng như pháp luật là những nhân tố vĩ mô, có ảnh hưởng đến mọi hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Trong điều kiện nền kinh tế phát triển, hưng thịnh, thu nhập của người dân cao và ổn định thì chất lượng tín dụng được đảm bảo, khả năng hoàn trả vốn gốc và lãi của khách hàng tốt khi đó cơ hội đầu tư cũng được mở rộng. Nếu nền kinh tế không ổn định thì chất lượng của tín dụng không cao, hoạt động tín dụng gặp trở ngại.

- Đặc điểm của khách hàng.

Khách hàng của Ngân hàng CSXH là các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách, gia đình có con là học sinh sinh viên đang theo học ở các trường trên cả nước là những đối tượng được vay vốn của Ngân hàng CSXH. Yếu tố khách hàng rất quan trọng vì có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và chất lượng tín dụng của ngân hàng. Nếu khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích mang lại hiệu quả kinh tế cao thì vốn của ngân hàng phát huy tác dụng của nó là hỗ trợ người nghèo, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo. Từ đó khách hàng có thể hoàn trả lãi và gốc đúng hạn cho ngân hàng, quá trình chu chuyển vốn được lưu thông không xảy ra trường hợp nợ quá hạn, nợ tồn đọng trong dân. Khi vốn cho vay luân chuyển tốt thì hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng tốt. Nếu vốn không được sử dụng đúng sẽ làm giảm chất lượng cho vay của ngân hàng.

*** Các nhân tố bên trong ngân hàng**

- Nhân tố chính sách tín dụng

Nền kinh tế thay đổi, chính sách tín dụng trong thời gian qua đã có những đổi mới cơ bản theo cơ chế thị trường nên góp phần quan trọng vào việc thực hiện

chính sách tiền tệ tín dụng của Đảng và Nhà nước góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Một chính sách tín dụng đúng đắn sẽ thu hút được nhiều khách hàng, hoạt động tín dụng trên cơ sở phân tán rủi ro, tuân thủ pháp luật, đường lối chính sách của nhà nước đảm bảo công bằng xã hội.

- Nhân tố tổ chức quản lý

Các ngân hàng phải sắp xếp một cách khoa học đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các phòng ban, các bộ phận nghiệp vụ của ngân hàng trong từng chi nhánh. Từ đó sẽ tạo điều kiện đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng giúp ngân hàng theo dõi, quản lý sát sao các khoản cho vay, các hoạt động vốn đó là cơ sở để tiến hành các nghiệp vụ tín dụng và quản lý vốn đạt hiệu quả cao nhất.

- Nhân tố con người

Cán bộ tín dụng là một nhân tố quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của tín dụng. Nghiệp vụ chính của cán bộ tín dụng là:

+ Phân tích tài chính và quản lý số vốn cho vay sao cho hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất, chất lượng tín dụng đạt hiệu quả và hiệu suất cao nhất giúp cho ngân hàng giữ được khách hàng hiện có và tăng khả năng sinh lời cho ngân hàng. Để thực hiện được nhiệm vụ này đòi hỏi cán bộ tín dụng phải có một kỹ năng phân tích các thông tin tài chính tốt để khẳng định rằng một doanh nghiệp hay một cơ sở, hộ gia đình có đủ điều kiện để nhận được một khoản vay hay được gia hạn nợ hoặc được tăng hạn mức tín dụng. Việc hoàn trả nợ và các khoản vay luôn xảy ra trong tương lai, do đó cán bộ tín dụng phải đánh giá được là liệu người vay có hoàn trả khoản nợ hay không? điều này phụ thuộc vào lượng thông tin khách hàng cung cấp cho ngân hàng và năng lực đánh giá của bản thân cán bộ tín dụng.

+ Cán bộ tín dụng được coi là có trình độ chuyên môn giỏi khi có khả năng nghiệp vụ rộng thể hiện ở sự hiểu biết toàn bộ những quy tắc công việc, luật và nghiệp vụ kinh doanh, kế toán, kinh tế học, tài chính để có thể đưa ra kết luận đúng đắn. Cán bộ tín dụng cần phải có giác quan tốt trong việc đánh giá tính cách của khách hàng vay. Việc tuyển chọn những cán bộ tín dụng có đạo đức nghề nghiệp tốt và giỏi chuyên môn sẽ giúp cho ngân hàng tránh được những sai phạm có thể xảy ra.

- Các hướng dẫn về cho vay

Bao gồm những quy định phải thực hiện trong quá trình cho vay, thu nợ nhằm đảm bảo vốn tín dụng. Quy trình này được bắt đầu từ khi cho vay, phát tiền vay, kiểm tra quá trình sử dụng vốn vay cho đến khi thu nợ, thanh lý hợp đồng tín dụng.

- Thông tin tín dụng

Có vai trò quan trọng trong việc quản lý vốn vay, thông tin tín dụng có thể được lấy từ những nguồn sẵn có ở ngân hàng (hồ sơ vay vốn ..) từ khách hàng cung cấp, cán bộ tín dụng trực tiếp thẩm tra thu thập xung quanh, từ cơ quan chuyên về thông tin tín dụng ở trong và ngoài nước, từ các nguồn thông tin khác (đài, báo, toà án) hoặc từ các cơ quan quản lý điều tra như cấp chủ quản, Bộ Tài chính, cơ quan kiểm toán, cơ quan thuế.... Số lượng và chất lượng của thông tin tín dụng được thu nhận có liên quan đến mức độ chính xác trong việc nhận định và phân tích tình hình.

- Kiểm soát nội bộ

Là biện pháp giúp ban lãnh đạo ngân hàng có được các thông tin về tình trạng kinh doanh của khách hàng nhằm duy trì có hiệu quả các hoạt động kinh doanh đang được xúc tiến cho phù hợp với chính sách, nhu cầu mục tiêu đã định.

1.2.3. Nội dung và công cụ quản lý tín dụng chính sách

Quản lý tín dụng chính sách cần phải tuân theo nội dung cơ bản:

Quản lý tín dụng chính sách cần phải tuân theo nội dung cơ bản, quy trình nhất định và chặt chẽ.

Nội dung đầu tiên của quản lý tín dụng chính sách là quản lý nguồn vốn tín dụng chính sách.

Thuật ngữ tín dụng xuất phát từ chữ Latin có nghĩa là “tín tưởng, tín nhiệm”. Để thực hiện tín dụng, yếu tố ban đầu khởi dựng mối quan hệ tín dụng là lòng tin, là sự tín nhiệm. Có thể tin tưởng, tín nhiệm chưa phải là tất cả để có thể tạo dựng thành công mối quan hệ tín dụng nhưng nó có tác động một phần trong quá trình thực hiện tín dụng. Người vay vốn tín dụng chính sách là đối tượng do Chính phủ chỉ định, được hưởng ưu đãi về điều kiện vay vốn, lãi suất... Đặc biệt, khách hàng vay vốn tín dụng chính sách chủ yếu vay bằng tín chấp. Nguồn vốn tín dụng chính sách là yếu tố quan trọng hàng đầu trong thực hiện tín dụng chính sách. Muốn phát triển tín dụng chính sách, điều kiện tiên quyết là phải có vốn. Hoạt động tín dụng chính sách là hoạt động dùng “vốn” mà mình quản lý để cho khách hàng vay. Do đó, quản lý vốn tốt là quản lý tín dụng chính sách tốt và ngược lại

Thứ hai, quản lý tín dụng chính sách phải quản lý được khách hàng vay vốn. Khách hàng vay vốn tín dụng chính sách là hộ nghèo và các đối tượng chính sách. Khách hàng vay vốn tín dụng chính sách do Chính phủ chỉ định theo từng chương trình tín dụng cụ thể. Thực hiện tín dụng chính sách là nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo ASXH nhưng đã là tín dụng thì nó mang tính chất “có vay có trả” dù đó là nguồn vốn từ ngân sách. Do vậy, quản lý tín dụng chính sách phải quản lý được khách hàng vay vốn, giám sát xem nguồn vốn tín dụng chính sách đã giải ngân có đúng đối tượng vay theo quy

định của Chính phủ chưa, đồng thời phải giám sát hộ vay vốn để hộ vay sử dụng vốn vay hiệu quả, trả được nợ vay.

Thứ ba, là điều kiện vay vốn. Các chương trình tín dụng chính sách cũng quy định điều kiện vay vốn là hộ vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; hoàn trả nợ gốc và lãi đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đảm bảo nguyên tắc vay vốn, tín dụng chính sách cũng yêu cầu người vay phải có đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp, đầu tư vào những lĩnh vực mà pháp luật không cấm; có phương án, dự án đầu tư hiệu quả; thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay

Khách hàng vay vốn tín dụng chính sách thường được ưu đãi về thời gian vay, lãi suất, phương thức cho vay...để nâng cao dự án, phương án sản xuất của người vay. Điều đó chứng tỏ quản lý điều kiện vay vốn cũng là nội dung quản lý tín dụng chính sách.

Thứ tư, là giới hạn tín dụng hay mức cho vay: mỗi chương trình tín dụng chính sách đều quy định rõ ràng về mức cho vay tối đa. Điều đó cho phép việc xét duyệt cho vay ở một mức cao nhất có thể và không cho phép giải ngân vượt qua ngưỡng đó. Tín dụng chính sách không thể đáp ứng được toàn bộ nhu cầu vay vốn của người vay, nó chỉ hỗ trợ ở một mức hợp lý. Với mức tối đa cho phép nhưng không phải vì thế mà xét duyệt cho vay cào bằng mà phải căn cứ vào nhu cầu vay vốn, khả năng trả nợ của khách hàng và nguồn vốn tín dụng chính sách cho mỗi chương trình. Do đó, mức cho vay cũng là nội dung quản lý tín dụng chính sách.

Thứ năm, là quản trị mạng lưới. Đơn vị nào thực hiện tín dụng chính sách đa số cũng được thực hiện theo mạng lưới 03 cấp: cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. Việc quản lý nó thực hiện từ cấp trên xuống cấp dưới, từ cấp trung ương xuống cấp tỉnh, cấp huyện. Ngoài ra với đặc thù, có sự tham gia của Ban đại diện HĐQT cấp tỉnh, cấp huyện và các tổ chức CTXH, chính quyền địa

phương và các Tổ TK&VV nên việc quản trị mạng lưới là phải có sự phối kết hợp với các đơn vị trên để quản lý tín dụng chính sách. Việc quản trị mạng lưới hoạt động tốt sẽ làm cho tín dụng chính sách phát triển nhanh và bền vững, dễ dàng thấy được hiệu quả của tín dụng chính sách.

Thứ sáu, là thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ. Thời hạn cho vay của tín dụng chính sách là khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu nhận vốn vay đến khi trả hết nợ gốc và lãi tiền vay, bao gồm cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Kỳ hạn trả nợ là khoảng thời gian trong thời hạn cho vay, khách hàng thỏa thuận trả nợ trong hợp đồng tín dụng mà tại mỗi cuối khoảng thời gian đó, khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ vốn vay. Thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ phải được quan tâm vì kỳ hạn liên quan đến thanh khoản và rủi ro. Thời hạn cho vay càng ngắn thì rủi ro càng thấp, tính thanh khoản càng cao.

Thứ bảy, là phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro. Tín dụng chính sách cũng có đầy đủ các nhóm nợ như các loại hình tín dụng khác đó là nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn. Tùy từng đơn vị thực hiện tín dụng chính sách có thể phân loại nợ khác nhau nhưng chung quy lại nó cũng mang tính chất như các nhóm nợ nói trên. Theo kinh nghiệm của các nhà kinh tế, càng phân loại được chi tiết các loại nợ càng dễ quản lý vốn. Vì từ chỗ phân loại các nhóm nợ sẽ xây dựng được cơ chế trích lập dự phòng rủi ro hợp lý, sát với thực tế đơn vị.

Thứ tám, là bảo đảm tiền vay. Tín dụng chính sách cho vay khách hàng là cá nhân, hộ gia đình dựa vào tín chấp, không phải thực hiện bảo đảm tiền vay nhưng cho vay các tổ chức kinh tế với mức vay quy định ở một số chương trình tín dụng sẽ thực hiện bảo đảm tiền vay. Tín dụng chính sách thực hiện chính sách bảo đảm tiền vay như quy định chung của các loại tín dụng khác.

Cuối cùng là chính sách nhận biết và quản lý nợ có vấn đề: tín dụng chính sách cũng như tín dụng nói chung luôn đi kèm với rủi ro. Để nhận biết và quản

lý được nhóm nợ có vấn đề thì không còn cách nào khác là phải tăng cường kỹ năng thẩm định, công tác kiểm tra giám sát hộ vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện tín dụng chính sách.

Quy trình quản lý tín dụng chính sách phải được quy định bằng văn bản quy phạm pháp quy tức văn bản có tính pháp lý cao để thực hiện.

Nhà quản lý tín dụng chính sách phải nắm được Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý tín dụng chính sách của Chính phủ, các thông tư của các Bộ, ngành có liên quan trong công tác quản lý tín dụng chính sách.

1.3. Các chỉ tiêu đánh giá

1.3.1. Tín dụng Ngân hàng thúc đẩy quá trình tích tụ tập trung vốn nhàn rỗi trong xã hội và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Sự ra đời của tín dụng Ngân hàng đã góp phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế trong những thập kỷ qua. Với chức năng là trung gian tài chính đứng giữa người gửi tiền và người đi vay Ngân hàng đã biến mọi nguồn ngoại tệ phân tán trong xã hội thành nguồn vốn tập trung, qua đó điều hoà quan hệ cung cầu về tiền tệ trong xã hội, thoả mãn tốt nhu cầu của khách hàng.

Là đơn vị kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ với mục đích lợi nhuận, các Ngân hàng luôn luôn tìm mọi cách để tối đa hoá lợi nhuận của mình. Lợi tức thu được của Ngân hàng được hình thành từ hai hoạt động đó là: Hoạt động tín dụng và các dịch vụ của Ngân hàng trong đó thu từ hoạt động tín dụng là chủ yếu. Tín dụng ở đây chúng ta hiểu là hoạt động cho vay của Ngân hàng. Vậy Ngân hàng lấy vốn ở đâu ra để cho vay? Phải chăng là vốn tự có của Ngân hàng. Ở đây các Ngân hàng phải huy động vốn từ các tổ chức kinh tế, cá nhân và các tầng lớp dân cư trong xã hội sau đó phân phối vốn trở lại một cách hợp lý. Chính nhờ có tín dụng Ngân hàng mà các chủ kinh tế thừa vốn có cơ hội không những bảo toàn vốn mà còn tạo thu nhập (thu lãi), còn đối với chủ thể

thiếu vốn tín dụng Ngân hàng giúp cho họ bổ sung vốn để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc đời sống. Trong công tác huy động vốn một mặt các Ngân hàng phải cố gắng đưa ra những mức lãi suất hấp dẫn đối với chủ thể thiếu vốn tín dụng Ngân hàng giúp họ bổ sung vốn để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc đời sống. Trong công tác huy động vốn một mặt các Ngân hàng phải cố gắng đưa ra những mức lãi suất hấp dẫn đối với khách hàng mặt khác phải đem lại lợi nhuận cho Ngân hàng.

Nguồn vốn nhàn rỗi mà Ngân hàng huy động bao gồm:

- + Vốn tạm thời nhàn rỗi của các tổ chức kinh tế: Đó là thu nhập bằng tiền của xí nghiệp để bù đắp hao phí vật chất trong quá trình sản xuất, thu nhập thuần túy sáng tạo từ các xí nghiệp sản xuất...
- + Vốn tạm thời nhàn rỗi trong các tầng lớp dân cư...

Bằng các hình thức khác nhau Ngân hàng đã động viên, tập trung các nguồn vốn đó về một mối. Trên cơ sở các nguồn tài chính tạm thời Ngân hàng sẽ tiến hành khai thác và sử dụng một cách triệt để nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao tránh tình trạng vốn chết, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Thông qua công tác tín dụng, Ngân hàng đã đáp ứng được hầu hết các nhu cầu về vốn của các thành phần kinh tế trong xã hội, giúp cho quá trình sản xuất được liên tục, đẩy mạnh quá trình tái sản xuất. Đồng thời việc tập trung và phân phối vốn tín dụng đã góp phần điều hoà vốn trong nền kinh tế quốc dân từ nơi thừa đến nơi thiếu. Bên cạnh việc đáp ứng vốn kịp thời đầy đủ cho các doanh nghiệp, các Ngân hàng còn có ý kiến đóng góp cho phương án sản xuất kinh doanh, lựa chọn đối tác thông qua quá trình sử dụng vốn của doanh nghiệp..

Ngoài ra khi sử dụng vốn vay Ngân hàng các doanh nghiệp bị ràng buộc bởi trách nhiệm hoàn trả vốn gốc+lãi trong thời gian nhất định khi ký kết hợp

đồng tín dụng. Do đó, buộc các doanh nghiệp phải hết sức nỗ lực, tận dụng hết khả năng của mình để sử dụng một cách hiệu quả nhất nguồn vốn tín dụng bằng cách động viên vật tư hàng hoá, thúc đẩy quá trình ứng dụng khoa học kỹ thuật để đẩy nhanh quá trình tái sản xuất xã hội đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và bảo đảm nghĩa vụ với Ngân hàng. Như vậy, hoạt động tín dụng của Ngân hàng góp phần đẩy lùi lạm phát, thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân.

1.3.2. Tín dụng Ngân hàng góp phần đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng và tổ chức điều hoà lưu thông tiền tệ

Thực tế cho thấy bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn hoạt động và sản xuất kinh doanh cũng phải cần có một lượng vốn nhất định, trong trường hợp muốn mở rộng sản xuất kinh doanh cần có một lượng vốn lớn hơn. Hiện nay, trong nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp đòi hỏi các doanh nghiệp luôn luôn phải đổi mới và mở rộng sản xuất. Vậy lấy vốn ở đâu ra? Và tín dụng Ngân hàng là nguồn vốn cơ bản hình thành nên vốn cố định và vốn lưu động của doanh nghiệp. Thông qua việc đầu tư tín dụng, tín dụng Ngân hàng sẽ góp phần hình thành cơ cấu hợp lý cho các doanh nghiệp. Ở nước ta hiện nay cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá, mở cửa thông thương với nhiều nước trên thế giới do vậy nhu cầu về vốn ngày càng cao, các thành phần kinh tế đang rất cần vốn để đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh phù hợp với sự phát triển của xã hội đòi hỏi các Ngân hàng cần phải nỗ lực hơn nữa để đáp ứng nhu cầu về vốn ngày càng lớn của các doanh nghiệp. Muốn vậy, các Ngân hàng cần phải làm tốt công tác huy động vốn tạm thời nhàn rỗi và xây dựng cho mình những chiến lược kinh doanh hợp lý, phù hợp với xu thế phát triển của các thành phần kinh tế. Có như vậy, các Ngân hàng mới có thể đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu về vốn cho doanh nghiệp, góp phần đẩy nhanh quá trình tái sản xuất đưa nền kinh tế nước nhà ngày càng phát triển.

Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ tín dụng của mình, các Ngân hàng đã huy động và tập trung lượng vốn nhàn rỗi trong xã hội, đồng thời rút ra khỏi lưu thông một bộ phận tiền tệ không cần thiết góp phần giảm lạm phát. Bởi việc Ngân hàng Nhà nước phát hành tiền để tạo ra nguồn vốn đầu tư phát triển sẽ làm tăng khối lượng tiền tệ trong lưu thông, gây mất cân đối trong quan hệ tiền hàng dẫn đến lạm phát trong nền kinh tế. Mặt khác, dựa vào quy luật của lưu thông tiền tệ trong quá trình cân đối nguồn vốn tín dụng với nhu cầu vay mà Ngân hàng Nhà nước Trung ương thực hiện pháp lệnh đưa tiền vào lưu thông. Do đó, sự vận động của vốn tín dụng là dựa trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả kinh tế để tổ chức điều hoà lưu thông tiền tệ.

Hơn nữa quá trình hoạt động tín dụng Ngân hàng gắn liền với việc thanh toán không dùng tiền mặt góp phần giảm bớt lượng tiền mặt lưu thông trôi nổi trên thị trường mà không có sự quản lý của Nhà nước nhằm mục đích ổn định, lưu thông tiền tệ. Điều này đồng nghĩa với việc làm giảm lạm phát-một vấn đề mà nền kinh tế phải đương đầu khi có tốc độ tăng trưởng gia tăng nhanh.

Như vậy, tín dụng Ngân hàng được coi là một công cụ có thể điều hoà vốn trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

1.3.3. Tín dụng Ngân hàng góp phần tăng cường việc chấp hành chế độ hạch toán trong các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Trong quá trình nghiệp vụ tín dụng của Ngân hàng trước khi cho vay Ngân hàng có nghiệp vụ giúp đỡ các đơn vị vay vốn xây dựng kế hoạch vay vốn dựa trên cơ sở các kế hoạch sản xuất, kỹ thuật, tài chính. Khi xét duyệt cho vay, Ngân hàng còn căn cứ vào tình hình chấp hành các nguyên tắc cơ bản của chế độ tín dụng Ngân hàng, tình hình thực hiện nghĩa vụ hợp đồng kinh tế đối với các đơn vị bạn cũng như tôn trọng các quy chế thủ tục cho vay. Đặc biệt cần phải có các báo cáo tài chính kế hoạch sản xuất kinh doanh trong đó nêu rõ các mục đích và khẳng định tính khả thi và mức sinh lợi của dự án. Như vậy, muốn

vay được vốn các doanh nghiệp cần phải thực hiện các chế độ hạch toán thật tốt. Tất cả những công tác trên giúp cho doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, Ngân hàng có khả năng thu hồi được vốn.

Đặc trưng cơ bản của tín dụng Ngân hàng là sự vận động trên cơ sở hoàn trả cả gốc lẫn lãi của các con nợ đối với Ngân hàng. Các đơn vị kinh tế, cá nhân khi vay vốn Ngân hàng đều phải cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện mà Ngân hàng đưa ra nhằm đảm bảo sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của đơn vị và hoàn trả vốn lẫn lãi đúng thời hạn. Trong trường hợp các đơn vị vay vốn không thực hiện đúng cam kết thì ngân hàng sẽ dùng các biện pháp chế tài tín dụng. Do vậy các đơn vị sản xuất kinh doanh luôn luôn tìm mọi biện pháp để tăng hiệu quả sử dụng vốn như: Đẩy nhanh vòng quay vốn, tăng năng suất, giảm giá thành nhằm tạo ra lợi nhuận, để có thể hoàn trả cả gốc lẫn lãi đúng thời hạn. Điều này đã thúc đẩy đơn vị sản xuất kinh doanh tăng cường khâu hạch toán kế toán một cách chặt chẽ đảm bảo doanh lợi ngày càng cao, tăng hiệu quả sử dụng vốn tín dụng. Để tránh rủi ro tín dụng Ngân hàng chỉ thực hiện đầu tư tập trung vào các đơn vị có triển vọng sản xuất kinh doanh.

1.3.4. Tín dụng Ngân hàng góp phần giải quyết các vấn đề xã hội

Trong những năm qua, với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước cùng với sự cố gắng của tất cả các thành viên trong xã hội nước ta đã và đang từng bước đi lên và đạt được những thành tựu đáng kể như: Tốc độ tăng trưởng tương đối cao, tăng thu nhập, đời sống nhân dân được cải thiện... Nhưng cùng với sự phát triển của nền kinh tế đất nước đã nảy sinh các vấn đề xã hội lớn: Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng rõ rệt, chênh lệch giữa nông thôn và thành thị ngày càng doãng rộng, tham nhũng có dấu hiệu gia tăng cả về quy mô và số vụ, thất nghiệp ở tỷ lệ cao... Nhận thức sâu sắc thực trạng này, các nghị quyết của Đảng luôn luôn nhấn mạnh yêu cầu phải kết hợp tăng trưởng với công bằng, giải quyết các yêu cầu về công bằng và tiến bộ xã hội ngay trong từng

bước tăng trưởng và tín dụng Ngân hàng được sử dụng như một công cụ để khắc phục tình trạng này.

Thông qua cơ chế tín dụng ưu tiên và ưu đãi chúng ta đang dần khắc phục được các vấn đề xã hội. Tín dụng ưu tiên là hình thức tập trung nguồn vốn cho một vùng, giới, ngành trong một thời gian nhất định nhằm đạt tới mục tiêu nào đó. Tín dụng ưu đãi là cho vay các đối tượng cần ưu đãi với lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường gọi là lãi suất ưu đãi.

Bằng cách các Ngân hàng cung cấp nguồn vốn với lãi suất ưu đãi cho người nghèo, người gặp khó khăn để họ có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, áp dụng kỹ thuật, mở rộng thị trường từ đó tăng thu nhập. Với mức lãi suất ưu đãi, tín dụng Ngân hàng có vai trò to lớn trong việc giúp người nghèo tự vươn lên, tự giải quyết được tình trạng nghèo đói của mình. Đồng thời, chúng ta khẳng định rằng giúp người nghèo bằng tín dụng là giải quyết vấn đề công bằng theo quan điểm hiện đại, coi trọng sự nỗ lực và tham gia của bản thân người nghèo. Đó là sự giúp đỡ tích cực "Cho cần câu chứ không cho xâu cá". Song để đạt được mục đích trên các Ngân hàng cần phải có một cơ chế giám sát chặt chẽ bởi thực tế cho thấy do lãi suất ưu đãi thấp hơn lãi suất thị trường cán bộ tín dụng có cơ hội lạm dụng quyền hạn để cho vay với những đòi hỏi ngoài lãi suất làm cho người nghèo khó lòng đáp ứng.

Ngoài ra , các cán bộ tín dụng Ngân hàng cần phải quan tâm đến vấn đề làm sao để vốn được sử dụng đúng mục đích là phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật để tăng thu nhập, tránh rủi ro cho Ngân hàng không thu hồi được vốn...

Trong điều kiện hiện nay chúng ta hy vọng rằng tín dụng Ngân hàng sẽ phát huy tốt vai trò to lớn của mình trong việc cung cấp nguồn lực để giải quyết các vấn đề xã hội theo hướng chủ động, tích cực, phù hợp với kinh tế thị trường.

Tóm tắt chương 1

Trong chương 1, chuyên đề đã trình bày một số vấn đề lí luận chung về tín dụng chính sách :

Sự ra đời và phát triển của NHTM.

Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng chính sách NH.

Tín dụng chính sách: khái niệm, vai trò, các hình thức tín dụng chính sách và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng chính sách

Đây sẽ cơ sở lí luận cần thiết để phân tích thực trạng hoạt động tín dụng chính sách

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI QUẬN HỒNG BÀNG

2.1. Giới thiệu NHCSXH quận Hồng Bàng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

2.1.1.1. Tên và địa chỉ của PGD

Tên đầy đủ: Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội Quận Hồng Bàng

Địa chỉ : QL5, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại : 0225 3527 385

2.1.1.2. Thời điểm thành lập và các mốc lịch sử

Phòng giao dịch NHCSXH Quận Hồng Bàng là đơn vị trực thuộc chi nhánh NHCSXH thành phố Hải Phòng, do Hội đồng quản trị NHCSXH quyết định thành lập. Ngày 10/05/2003, Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH có Quyết định số 679/QĐ-HĐQT về việc thành lập Phòng giao dịch NHCSXH Quận Hồng Bàng. Thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NĐ-QH15 ngày 29/05/2008 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố và một số tỉnh có liên quan, theo đó Phòng giao dịch NHCSXH Quận Hồng Bàng được thành lập trên cơ sở là đơn vị thành viên của NHCSXH thành phố mới theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2010 về việc thành lập Phòng giao dịch NHCSXH.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

Lĩnh vực hoạt động NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng:

NHCSXH Quận Hồng Bàng được thành lập để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

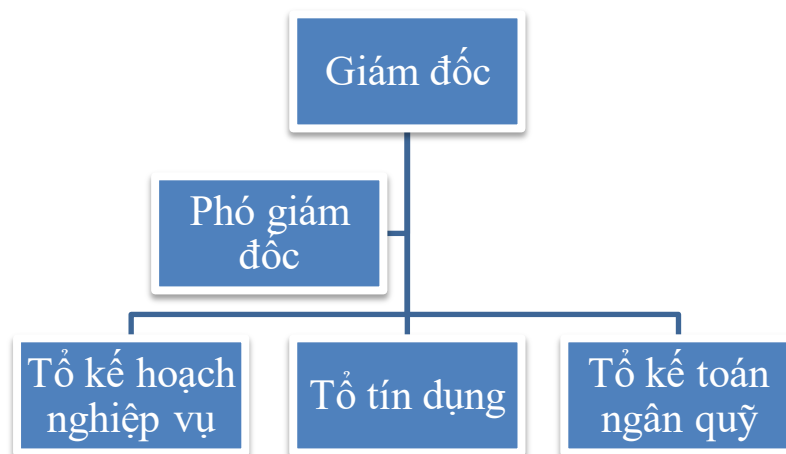
Hoạt động của NHCSXH Quận Hồng Bàng không vì mục đích lợi nhuận, được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán, tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm), không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi, được miễn thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước.

Hoạt động chủ yếu NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng:

NHCSXH Quận Hồng Bàng được thực hiện các nghiệp vụ: huy động vốn, cho vay, thanh toán, ngân quỹ và được nhận vốn uỷ thác cho vay ưu đãi của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, chính trị – xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho các chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội.

NHCSXH Quận Hồng Bàng là một trong những công cụ đòn bẩy kinh tế của Nhà nước nhằm giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách có điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống, vươn lên thoát nghèo, góp phần thực hiện chính sách phát triển kinh tế gắn liền với xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, vì mục tiêu dân giàu – nước mạnh – dân chủ – công bằng – văn minh.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức hoạt động, chức năng nhiệm vụ các bộ phận



Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức phòng giao dịch NHCSXH Quận Hồng Bàng

Phòng giao dịch: Tham mưu cho Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp trên. Thực hiện nhiệm vụ huy động vốn, tổ chức hạch toán. Kí dịch vụ ủy thác cho vay vốn đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác thông qua các tổ chức tín dụng và các tổ chức chính trị-xã hội. Giám sát tình hình dịch vụ ủy thác với các tổ chức tín dụng và các tổ chức chính trị-xã hội.

- Bộ phận điều hành tác nghiệp:

+ Điều hành hoạt động của Phòng giao dịch NHCSXH Quận Hồng Bàng là Giám đốc, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước NHCSXH cấp trên, trước pháp luật về các quyết định của mình.

+ Cơ cấu PGD NHCSXH Quận Hồng Bàng được bố trí gọn nhẹ, có các bộ phận và cán bộ chuyên môn về kế toán, kiểm soát, ngân quỹ và kế hoạch nghiệp vụ. Gồm có 12 viên chức và 02 lao động làm bảo vệ.

- Tổ tín dụng và Tổ kế toán

Hoạt động nghiệp vụ đang có.**Các sản phẩm dịch vụ**

TT	Các chương trình cho vay
1	Cho vay hộ nghèo
2	Cho vay vốn đi xuất khẩu lao động
3	Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167 của Thủ tướng Chính phủ
4	Cho vay hộ nghèo tại 62 huyện nghèo
5	Cho vay học sinh, sinh viên
6	Cho vay giải quyết việc làm
7	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
8	Cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long
9	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn
10	Cho vay Doanh nghiệp nhỏ

11 Một số quy trình cho vay khác

Những thuận lợi và khó khăn.

Thuận lợi:

NHCSXH Quận Hồng Bàng tập trung được các nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước về một đầu mối để tổ chức quản lý và thực hiện cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, tập trung nguồn vốn từ ngân sách địa phương, các tổ chức và các nhân trong và ngoài nước thông qua ủy thác cho vay, tài trợ...

Cơ chế cho vay của NHCSXH Quận Hồng Bàng đã giảm bớt được nhiều thủ tục hành chính, phù hợp thực tế hơn, tạo điều kiện cho các bên nhận ủy thác (các hội đoàn thể) và người vay vốn tiếp cận tín dụng ưu đãi được dễ dàng hơn nhưng vẫn đảm bảo các nguyên tắc và an toàn tín dụng.

Việc chuyển hướng ủy thác từng phần cho vay vốn đối với hộ nghèo thông qua hội đoàn thể như Hội Nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên... thay thế ủy thác từng phần qua NH NN%&PTNT đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

“Hệ thống NHCSXH từ TW đến địa phương đã được hình thành với mô hình hoạt động hợp lý, có sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội. Từ đó đã thực hiện rất tốt công tác thông tin tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận nguồn vốn được thuận lợi, mạnh dạn đầu tư chăn nuôi, trồng trọt phát triển kinh tế gia đình, ổn định cuộc sống. Với cách làm này đã mang lại hiệu quả rất lớn từ việc sử dụng vốn của người dân và sức mạnh đồng vốn vay”, Ủy viên TW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Đồng Tháp, Lê Minh Hoan khẳng định.

Khó khăn:

Về nguồn vốn cho vay: Nguồn vốn cho vay của NHCSXH chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của hộ nghèo, nhu cầu giải quyết việc làm và các đối tượng chính sách khác.

Về thời hạn cho vay ngắn hạn dưới 12 tháng chưa phù hợp với khả năng tổ chức sản xuất- kinh doanh, chưa đảm bảo thoát nghèo và tạo việc làm bền vững cũng như khả năng trả nợ của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Diện tích làm việc quá chật hẹp nên việc sắp xếp, bố trí điểm giao dịch NHCSXH Quận Hồng Bàng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Cụ thể: Nơi đón tiếp hộ nghèo và đối tượng chính sách đến giải ngân cho vay, thu nợ....*(theo lịch cố định vào một ngày trong tháng)* không ổn định hoặc quá chật hẹp; Việc thông báo công khai các chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ, thông báo danh sách các hộ còn dư nợ vay ngân hàng còn bất cập.

2.2. Thực trạng công tác quản lý tín dụng chính sách tại NHCSXH Quận Hồng Bàng

2.2.1. Công tác quản lý nguồn vốn tín dụng chính sách

Trong những năm qua, hệ thống chính sách tín dụng ưu đãi không ngừng được hoàn thiện, tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, từng bước nâng cao điều kiện sống, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nguyên tắc vay vốn tại Phòng giao dịch NHCSXH quận Hồng Bàng, người vay phải: Đúng đối tượng được vay và đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định; Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; Trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi.

Cụ thể, đối tượng được vay vốn mua Phòng giao dịch quận Hồng Bàng, bao gồm: Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi

người có công với cách mạng; Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;

Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;

Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;

Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Trừ đối tượng là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; các đối tượng còn lại để được vay vốn phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;

Trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

NHCSXH quận Hồng Bàng người vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

Thứ ba, có đủ hồ sơ chứng minh về đối tượng, thực trạng nhà ở, điều kiện cư trú, thu nhập để được hưởng chính sách nhà ở xã hội theo quy định;

Thứ tư, có nguồn thu nhập và khả năng trả nợ theo cam kết với NHCSXH quận Hồng Bàng;

Thứ năm, có giấy đề nghị vay vốn để mua/ thuê mua / xây dựng mới/ cải tạo, sửa chữa nhà để ở, trong đó có cam kết của cá nhân và các thành viên trong hộ gia đình chưa được vay vốn hỗ trợ ưu đãi tại ngân hàng khác hoặc các tổ chức tín dụng khác;

Để tạo điều kiện đẩy mạnh hoạt động tín dụng chính sách, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã tổ chức xây dựng kế hoạch, tham mưu trình ban hành và triển khai chỉ đạo thực hiện nhiều chính sách giảm nghèo như:

- Chủ trì xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế chính sách đối với hoạt động tín dụng chính sách, tạo sự đồng bộ, phù hợp với mục tiêu đặt ra như: Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/2/2013 về tín dụng đối với hộ cận nghèo; Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo; Quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay của người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Hướng dẫn việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) (Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung); Hướng dẫn thực hiện cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi (Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020)...

- Chủ động theo dõi, kịp thời phối hợp với các bộ, ngành, NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng trình Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh giảm lãi suất và nâng mức cho vay các chương trình tín dụng chính sách phù hợp với điều kiện thị trường, cũng như đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Xây dựng và triển khai các giải pháp để hướng dòng vốn tín dụng thương mại cùng với dòng vốn tín dụng chính sách tại NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng hỗ trợ, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao đời sống, thu nhập cho người nông dân trên các vùng miền toàn quốc, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng cũng đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành đơn vị có liên quan thực hiện rà soát hệ thống chính sách giảm nghèo, hoàn thiện cơ chế chính sách và khung pháp lý cho hoạt động tín dụng chính sách nói chung và hoạt động của NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng nói riêng; Kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh...

Bảng 2.1: Kết quả huy động nguồn vốn tại Ngân hàng CSXH Quận Hồng Bàng

(Đơn vị: Triệu đồng)

Năm Chi tiêu	Năm 2015		Năm 2016		2017		Chênh lệch 16/15		Chênh lệch 17/16	
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
Tổ chức Kinh tế	550	556	375	377.5	475	737	-175	-178.5	100	359.5
Dân cư	20	21	10	10.5	12.5	13	-10	-10.5	2.5	2.5
Tổng	5700	577	385	388	487.5	750	-5315	-189	102.5	362

(Nguồn phòng báo cáo kế toán)

Chi nhánh chỉ thực hiện phân huy động bổ sung cho TW theo kế hoạch giao. Về cơ cấu nguồn vốn thì vốn huy động từ dân cư có xu hướng giảm dần do các ngân hàng thương mại cạnh tranh chạy đua tăng lãi suất huy động, mặt khác do giá cả tăng

Tổ chức kinh tế Năm 2016 giảm -178.5 triệu và năm 2017 giảm 359.5 triệu so với năm 2016 ; Dân cư chênh lệch năm 2016 so với năm 2015 là 10.5 triệu đồng , năm 2017 so với năm 2016 tăng 2.5 triệu vì nguồn vốn cho vay đã được Ngân sách Nhà nước cấp ổn định và kịp thời hơn.

- Nghị định 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định cụ thể 5 đối tượng được hưởng chính sách tín dụng ưu đãi là: hộ nghèo; học sinh, sinh viên

có hoàn cảnh khó khăn; giải quyết việc làm; xuất khẩu lao động; các xã đặc biệt khó khăn (*chương trình 135*) và các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay NHCSXH thực hiện 10 chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ và 4 chương trình tín dụng nhận ủy thác tài trợ của nước ngoài.

2.2.2. Công tác quản lý khách hàng vay vốn

Về phương thức cho vay, NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh hoặc Phòng Giao dịch NHCSXH cấp quận.

NHCSXH có 05 loại nguồn vốn: Vốn do NSNN cấp, vốn vay theo sự chỉ đạo của Chính phủ, vốn huy động và vay với lãi suất thị trường, vốn nhận ủy thác đầu tư, vốn khác và các quỹ.

- Căn cứ vào lãi suất huy động, có thể phân thành 02 nhóm sau: Nhóm nguồn vốn không lãi và lãi suất thấp.

- Căn cứ vào tiêu chí thời hạn huy động, có thể chia nguồn vốn của NHCSXH thành 2 nhóm: Nhóm nguồn vốn ngắn hạn và Nhóm nguồn vốn trung và dài hạn.

Khi đã đi vào ổn định và phát triển, NHCSXH Quận Hồng Bàng thực hiện đúng quy định ưu tiên sử dụng nguồn vốn huy động không lãi hoặc lãi suất thấp trước rồi mới đến huy động vốn theo lãi suất thị trường nhằm hạn chế cấp bù từ NSNN.

Từ năm 2016 đến 2017 chủ yếu tập trung huy động nguồn vốn dài hạn và năm 2010, nguồn vốn này chiếm tỷ trọng cao nhất (85.67%). Từ năm 2017 đến nay tỷ trọng nguồn vốn này có xu hướng giảm tuy nhiên giảm không đáng kể, vẫn chiếm trên 60%. Nguồn vốn này chiếm tỷ trọng cao đồng nghĩa NHCSXH huy động được nhiều nguồn vốn trung, dài hạn. Khách hàng vay vốn tại NHCSXH chủ yếu vay vốn với thời hạn cho vay trung và dài hạn nên nguồn vốn trung, dài hạn NHCSXH huy động được sẽ tạo điều kiện tốt cho NHCSXH thực hiện tín dụng ưu đãi và đảm bảo khả năng thanh toán.

Bảng 2.2: Kết quả cho vay, dư nợ tín dụng NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng

Đơn vị: Triệu đồng, hộ vay

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	Chênh lệch 16/15		Chênh lệch 17/16	
				+/-	%	+/-	%
1. Hộ nghèo							
+ Doanh số cho vay	14,163	15,000	22,000	13,83	59.10	9,63	50.67
+ Dư nợ	19,159	16,000	23,000	15,84	18.63	14,00	7.95
+ Số hộ	7,431	1,095	1,061	12,664	170.42	(1,034)	-5.15
2. Giải quyết việc làm						-	
+ Doanh số cho vay	35,079	47,500	66,000	12,421	35.41	18,500	38.95
+ Dư nợ	41,738	64,750	79,800	23,012	55.13	15,050	23.24
+ Số lao động thu hút	17,180	11,423	7,489	(5,757)	-33.51	(3,934)	-34.44
3. Học sinh-sinh viên						-	
+ Doanh số cho vay	3.900	5,500	13,170	5,110	13.26	7,670	139.45
+ Dư nợ	2,741	8,185	19,650	5,444	198.61	11,465	140.07

+ Số HS-SV còn dư nợ	1,189	1,124	2,660	(65)	-5.47	1,536	136.65
4. Nước sạch VSMT						-	
+ Doanh số cho vay		9,450	20,150	9,450		10,700	113.23
+ Dư nợ		13,000	29,200	13,000		16,200	124.62
+ Số công trình có dư nợ		1,908	3,600	1,908		1,692	88.68
5. Cho vay DN				-		-	
+ Doanh số cho vay		2,750	3,000	2,750		250	9.09
+ Dư nợ		4,160	4,200	4,160		40	0.96
6. Cho vay XKLD				-		-	
+ Doanh số cho va		250	359	450		18,750	63,5
+ Dư nợ		250	409	259		40,750	16,3

Nhìn chung sau 3 năm hoạt động, dư nợ cho vay các chương trình tín dụng được tăng lên. Nguồn vốn cho vay ưu đãi hộ nghèo, giải quyết việc làm, học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, nước sạch vệ sinh môi trường đã được tăng lên, ngày càng đáp ứng số lượng hộ nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn. Tuy nhiên chương trình cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn và cho vay các đối tượng đi xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài còn thấp do mức vay chưa đáp ứng đủ nhu cầu vốn của khách hàng.

Ngoài việc mở rộng địa bàn cho vay ở tất cả các xã, phường, chi nhánh Quận Hồng Bàng đã tập trung cho vay các hộ nghèo. Doanh số cho vay 3 năm (2015-2017) Số dư nợ bình quân 1 hộ : 4 triệu đồng/hộ.. Việc cho vay vốn đối với hộ nghèo là một hình thức giúp người nghèo không phải bằng trợ cấp mà giúp họ có vốn làm ăn, có vay, có trả để phát triển đời sống, thoát nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng. Kết quả là đã giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 5,5% đầu năm 2015 xuống còn 2,21% năm 2016 và 1,59% năm 2017 theo chuẩn nghèo mới.

Chương trình cho vay giải quyết việc làm đã thu hút lao động có việc làm và thu nhập ổn định, bình quân hàng năm tạo việc làm ổn định cho các lao động . Dư nợ bình quân 1 lao động : 8.5 triệu đồng/lao động. Điều này đã góp phần cùng thành phố giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị từ 6% đầu năm 2015 xuống còn 5,6 % năm 2017

Doanh số cho vay 3 năm (2015-2017) HSSV được đáp ứng nhu cầu vay vốn số dư nợ bình quân 1 HSSV : 6,15 triệu đồng/HSSV. Hiện nay SV được vay vốn theo hai hình thức : thông qua hộ gia đình : 9,5 tỷ đồng và vay trực tiếp : 6,8 tỷ đồng. Công tác giải ngân cho vay được tiến hành nhanh chóng khẩn trương , đảm bảo không có sv nào phải nghỉ học vì không có tiền đóng học phí hay không có tiền trang trải chi phí trong quá trình theo học tại các trường

Dư nợ cho vay chương trình nước sạch vệ sinh môi đã góp phần cải thiện môi trường xanh – sạch – đẹp hơn ,nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Hoạt động cho vay HTDN mới được hình thành đưa vào thực hiện với số liệu trong 2 năm gần đây nhưng đây thực sự là một lĩnh vực đáng quan tâm, vì việc hỗ trợ

các doanh nghiệp sẽ kéo theo việc giải quyết nhiều vấn đề khác, đặc biệt là giải quyết vấn đề việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người lao động, là một trong những mục tiêu hàng đầu của NHCSXH. Do đó ngoài nguồn vốn cho vay của Ngân hàng chính sách cần vận động bà con đóng góp, thực hiện giải pháp Nhà nước và nhân dân cùng làm từ đó giúp người dân ý thức hơn trong việc giữ gìn sức khỏe, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường.

Qua thực tiễn hoạt động tại NHCSXH quận Hồng Bàng, từ việc tổ chức duy trì thực hiện tốt các hoạt động tại điểm giao dịch lưu động 11/11 phường cho thấy chất lượng tín dụng, chất lượng ủy thác qua các hội, đoàn thể ngày càng được nâng cao, nợ quá hạn giảm dần, nhất là nợ quá hạn khó đòi từ nhiều năm trước. Hoạt động tại điểm giao dịch lưu động góp phần giúp hơn 81 Tổ tiết kiệm và vay vốn quản lý tốt nguồn vốn tín dụng ưu đãi trên địa bàn quận với hơn 3 nghìn hộ vay, qua đó đẩy lùi nạn tín dụng đen. hiện nay NHCSXH quận triển khai giao dịch tại Ủy ban nhân dân phường vào ngày cố định bất kể ngày nghỉ đã tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian của người nghèo. Ngay tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, tất cả những thông tin liên quan đến hoạt động tín dụng từ biển hiệu chỉ dẫn, bảng nội quy giao dịch đến thông báo các chương trình tín dụng ưu đãi, lãi suất... đều được công khai, niêm yết rõ ràng. Nhân dân lại có thể gặp trực tiếp cán bộ Ngân hàng để được tìm hiểu rõ hơn”. Ngân hàng thực hiện tốt lịch giao dịch cố định tại 100% các phường nên đã góp phần nâng cao ý thức trả nợ, trả lãi của hộ vay, đặc biệt là nợ phân kỳ theo quy định, đồng thời việc đôn đốc thu hồi nợ quá hạn được hiệu quả hơn.

2.2.3. Điều kiện vay vốn và giới hạn tín dụng tại Phòng giao dịch

Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn bao gồm:

- Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.
- Hộ nghèo phải có hộ khẩu thường trú hoặc có đăng ký tạm trú dài hạn tại địa phương nơi cho vay.
- Có tên trong danh sách hộ nghèo tại xã, phường, thị trấn theo chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ.
- Hộ nghèo vay vốn không phải thế chấp tài sản, được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn (Tổ TK&VV) có xác nhận của UBND phường.
- Chủ hộ hoặc người thừa kế được uỷ quyền giao dịch là người đại diện hộ gia đình chịu trách nhiệm trong mọi quan hệ với NHCSXH, là người trực tiếp ký nhận nợ và chịu trách nhiệm trả nợ NHCSXH.
- Giải quyết việc làm , bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hỗ trợ tạo việc làm và cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn.

Phương thức cho vay

- Đối với học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình:
 - + NHCSXH Quận Hồng Bàng thực hiện cho vay thông qua hộ gia đình của học sinh, sinh viên. Cha hoặc mẹ hoặc một thành viên khác là người đại diện gia đình đứng ra vay vốn và chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng CSXH.
 - + Người vay không phải thế chấp tài sản nhưng phải gia nhập và là thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn tại nơi đang sinh sống, được Tổ xem xét đủ điều kiện vay vốn và lập danh sách đề nghị vay vốn Ngân hàng CSXH gửi UBND cấp xã xác nhận.
- Đối với học sinh, sinh viên mồ côi: NHCSXH Quận Hồng Bàng thực hiện cho vay trực tiếp học sinh, sinh viên tại Ngân hàng CSXH nơi địa bàn nhà trường đóng trụ sở.

Thủ tục, quy trình cho vay

- Đối với học sinh, sinh viên vay vốn thông qua hộ gia đình
- + Người vay viết giấy đề nghị vay vốn (theo mẫu in sẵn do Ngân hàng cấp) kèm giấy xác nhận của nhà trường hoặc giấy báo nhập học gửi cho Tổ tiết kiệm và vay vốn.
- + Tổ tiết kiệm và vay vốn kiểm tra các yếu tố trên giấy đề nghị vay vốn, đối chiếu với đối tượng, điều kiện vay vốn theo quy định của Chính phủ. Sau đó, lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn kèm giấy đề nghị vay vốn, giấy xác nhận của nhà trường hoặc giấy báo nhập học trình UBND cấp xã xác nhận.
- + Tổ Tổ tiết kiệm và vay vốn gửi hồ sơ đề nghị vay vốn đã có xác nhận của UBND cấp phường cho Ngân hàng CSXH để xem xét cho vay.

- Đối với học sinh, sinh viên mồ côi:

Học sinh, sinh viên viết giấy đề nghị vay vốn (theo mẫu in sẵn do Ngân hàng cấp) kèm giấy xác nhận của nhà trường gửi Ngân hàng CSXH nơi địa bàn nhà trường đóng trụ sở để được xem xét cho vay.

Giới hạn lãi suất cho vay

Lãi suất vay thế chấp ngân hàng Chính sách 2018 từ 1.2% đến 9% mỗi năm, tùy theo từng đối tượng vay. Cho vay lên đến 100% giá trị tài sản đảm bảo. Thời hạn vay kéo dài 20 – 25 năm.

vẫn được áp dụng lãi suất khi cho vay.

- Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

Mức vốn cho vay:

Mức cho vay tối đa đối với một học sinh, sinh viên là 1.100.000 đồng/tháng (11.000.000 đồng/năm học). Mức cho vay cụ thể từng học sinh, sinh viên được xác định trên cơ sở mức thu học phí, mức sinh hoạt phí và nhu cầu vay của người vay nhưng tối đa mỗi học sinh, sinh viên không quá 1.100.000 đồng/tháng.

Đối với vay vốn để mua, thuê mua : Có hợp đồng mua, thuê mua với chủ đầu tư dự án mà dự án của chủ đầu tư đó có trong danh mục dự án xây dựng nhà

ở xã hội thuộc chương trình, kế hoạch đầu tư nhà ở xã hội của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với vay vốn để xây mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất nơi đăng ký thường trú do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đất đai; có thiết kế, dự toán hoặc phương án tính toán giá thành theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Bên cạnh đó thủ tục thực hiện bảo đảm tiền vay yêu cầu: Đối với vay vốn để mua, thuê mua bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định của pháp luật. Phòng giao dịch NHCSXH quận Hồng Bàng nơi cho vay, chủ đầu tư và người vay vốn phải thỏa thuận trong hợp đồng ba bên về phương thức quản lý, xử lý tài sản bảo đảm.

Đối với vay vốn để xây mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Bảo đảm tiền vay bằng giá trị quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp mua, thuê mua, mức vốn cho vay tối đa bằng 80% giá trị hợp đồng mua,

Trường hợp xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Mức vốn cho vay tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án tính toán giá thành và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay.

Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị Phòng giao dịch quận Hồng Bàng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Hiện nay, lãi suất cho vay của chương trình là 4,8%/năm (0,4%/tháng).

2.2.4. Công tác quản trị mạng lưới

Công tác quản trị mạng lưới, Hội, Đoàn thể nhận ủy thác một số công đoạn cho vay

NHCSXH Quận Hồng Bàng có hai phương thức cho vay: cho vay trực tiếp và cho vay ủy thác Cho vay ủy thác nghĩa là Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện ủy thác một số công đoạn trong quy trình cho vay cho bốn tổ chức chính trị - xã hội (gọi tắt là Hội, Đoàn thể) gồm Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Nội dung ủy thác có thể tóm tắt là:

Thông báo và phổ biến các chính sách tín dụng có ưu đãi đến đối tượng thụ hưởng; tập huấn công để giúp người vay sử dụng vốn vay có hiệu quả; hợp đánh giá định kỳ hoặc đột xuất

- Tham gia buổi bình xét công khai hộ vay vốn của tổ tiết kiệm và vay vốn (tổ TK&VV); chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của tổ TK&VV
- Phối hợp với các bên có liên quan kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay, đơn đốc hộ vay trả nợ.

Việc ủy thác cho Hội, Đoàn thể là nhằm công khai hóa, xã hội hóa hoạt động tín dụng chính sách, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của tổ chức Hội, đồng thời củng cố hoạt động của tổ chức Hội ở cơ sở. Việc bình xét hộ vay vốn công khai, dân chủ đảm bảo đưa vốn đến đúng đối tượng thụ hưởng. Mặt khác, việc ủy thác giúp đối tượng thụ hưởng tiếp cận dễ dàng, hiệu quả với dịch vụ tài chính, tiết kiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Quan hệ giữa Ngân hàng và Hội, Đoàn thể được xác lập qua văn bản liên tịch, văn bản thỏa thuận (cấp trung ương); văn bản liên tịch (cấp tỉnh, huyện) và hợp đồng ủy thác

Tổ tiết kiệm và vay vốn

Tổ tiết kiệm và vay vốn (tổ TK&VV) là một tập hợp các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống. Các thành

viên (tổ viên) tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, kinh doanh và đời sống, đồng thời cùng giám sát nhau trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ Ngân hàng.

Tổ hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số dưới sự điều hành của ban quản lý tổ (một tổ trưởng và một tổ phó) Trong quy trình cho vay, họp bình xét cho vay là điều kiện tiên quyết để xét cho vay. Sau khi tiếp nhận đề nghị vay vốn từ phía hộ vay là thành viên của tổ (nếu chưa thì cần được xét kết nạp vào tổ), tổ trưởng tổ TK&VV chủ trì buổi họp bình xét cho vay, trong đó hộ vay có nhu cầu vay vốn nhất thiết phải được sự chấp thuận bằng biểu quyết của ít nhất 2/3 tổ viên tổ TK&VV hiện diện tại buổi họp bình xét công khai về vay vốn, với điều kiện phải có ít nhất 2/3 tổ viên tổ TK&VV đến dự buổi họp. Toàn bộ nội dung cuộc họp đều được ghi thành biên bản, gọi là biên bản họp tổ, do tổ phó là thư ký ghi chép lại. Buổi họp có sự chứng kiến của đại diện Hội, Đoàn thể nhận ủy thác quản lý tổ TK&VV đó và trưởng thôn/ấp/khu phố nơi tổ TK&VV hoạt động. Tổ TK&VV hoạt động không tách rời với ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và Ngân hàng

- Trong mối quan hệ với ủy ban nhân dân cấp phường: tổ chịu sự chỉ đạo, quản lý, kiểm tra trực tiếp của ủy ban nhân dân cấp phường. Việc thành lập, thay đổi ban quản lý tổ hoặc giải thể tổ đều phải có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân cấp phường.
- Trong mối quan hệ với Hội, Đoàn thể nhận ủy thác: tổ phải phối hợp với Hội, Đoàn thể; chịu sự giám sát, theo dõi của Hội, Đoàn thể.
- Trong mối quan hệ với Ngân hàng: Ngân hàng và đại diện ban quản lý tổ TK&VV ký kết hợp đồng ủy nhiệm quy định rõ quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Ngân hàng có trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động của tổ, đồng thời phối hợp với UBND cấp phường và Hội, Đoàn thể nhận ủy thác tổ chức thực hiện việc đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý cho ban quản lý tổ. Đối với các ban quản lý tổ TK&VV được Ngân hàng ủy nhiệm thu lãi, thu tiết kiệm thì hàng tháng sẽ thực hiện thu tiền lãi vay và tiền gửi tiết kiệm

của tổ viên trong tổ, sau đó nộp cho Ngân hàng vào ngày giao dịch cố định tại điểm giao dịch phường.

Điểm giao dịch phường

Để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận thuận lợi với Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng đưa các hoạt động nghiệp vụ về phục vụ ngay tại điểm giao dịch phường thông qua hoạt động của tổ giao dịch phường. Điểm giao dịch phường được hiểu là nơi Ngân hàng tổ chức giao dịch với khách hàng, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn một phường, được đặt trong khuôn viên trụ sở ủy ban nhân dân cấp phường. Phiên giao dịch phường diễn ra vào ngày cố định hàng tháng, kể cả ngày lễ hoặc ngày nghỉ cuối tuần, và chỉ thực hiện giao dịch bù vào ngày khác nếu ngày giao dịch cố định tháng đó trùng vào ngày nghỉ Tết Nguyên đán. Các ngày giao dịch cố định của từng xã được niêm yết trên website của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Hoạt động giao dịch lưu động tại phường do một tổ giao dịch thực hiện. Tổ này là một phận nghiệp vụ gồm tối thiểu ba nhân viên, có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền và công khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác; tiếp nhận hồ sơ vay vốn, giải ngân, thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm và thực hiện quy trình xử lý nợ, họp giao ban với tổ trưởng tổ TK&VV và các tổ chức Hội, Đoàn thể nhận ủy thác. Việc tổ chức giao dịch vào ngày cố định tại điểm giao dịch xã được xem là phát huy dân chủ, tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác thực hiện chức năng phản biện xã hội, tạo mối quan hệ gần gũi giữa nhân viên ngân hàng với người dân

Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn

Tại Ngân hàng Chính sách xã hội, chương trình tín dụng cho học sinh, sinh viên khó khăn được gọi là Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Tiền thân của chương trình này là Chương trình cho vay từ Quỹ tín dụng đào tạo do Ngân hàng Công thương Việt Nam (Incombank)

Cho vay nhà ở xã hội

NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng thực hiện cho vay mua, thuê mua nhà ở phường hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ. Lãi suất được Chính phủ ban hành từng năm một; đối với năm 2018 là 4,8%/năm

2.2.5. Thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ

Bảng Thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ

STT	Chỉ tiêu	Thời hạn cho vay	Trả gốc	Lãi tháng	Ghi chú
1	Hộ Nghèo	24 tháng	Trả theo kì	2%	
2	Học sinh sinh viên	Cho vay theo kỳ	Sau khi ra trường 1 năm	2%	
3	Cho vay sửa Nhà ở	24 tháng		3%	Tối đa 40 triệu
5	NS&VSMTNT	24 tháng		3%	4 triệu đồng/hộ.
6	Cho vay để đầu tư vào sản xuất kinh doanh, dịch vụ: .	24 tháng		3%	Tối đa không quá 30 triệu đồng

Thời hạn cho vay:

- Cho vay ngắn hạn: Cho vay đến 12 tháng (1 năm).
- Cho vay trung hạn: Cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng (5 năm).
- Cho vay dài hạn: Cho vay trên 60 tháng

Mức cho vay:

Mức cho vay được xác định căn cứ vào nhu cầu vay vốn, vốn tự có và khả năng hoàn trả nợ của hộ vay. Mức cho vay tối đa đối với một hộ do Hội đồng quản trị NHCSXH quyết định và công bố từng thời kỳ. Hiện mức vay tối đa đối với một hộ nghèo như sau:

- a. Cho vay để đầu tư vào sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Tối đa không quá 30 triệu đồng.
- b. Cho vay giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về: Nhà ở, nước sạch và chi phí học tập, gồm:
 - Cho vay sửa nhà ở: Tối đa không quá 40 triệu đồng/hộ.
 - Cho vay NS&VSMTNT: Tối đa không quá 4 triệu đồng/hộ.
 - Cho vay hỗ trợ một phần chi phí học tập cho con em hộ nghèo theo học tại các cấp phổ thông: Tổng giám đốc uỷ quyền cho Giám đốc chi nhánh các tỉnh, thành phố quyết định trên cơ sở 4 khoản chi bao gồm: Tiền học phí, tiền xây dựng trường, tiền sách giáo khoa và tiền quần áo đồng phục.

Lãi suất cho vay

- Áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi do Thủ tướng Chính phủ quyết định từng thời kỳ.
- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất trong hạn.

2.2.6 Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

Bảng Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

Đơn: triệu đồng

STT	Nhóm nợ	Giá trị dư nợ	Tỷ lệ trích lập	Tiền mặt
1.	Nợ đủ tiêu chuẩn	251	0,75	115
2.	Nợ cần chú ý	301	5%	160
3.	Nợ dưới tiêu chuẩn	112	20%	78
4.	Nợ Nghi ngờ	121	50%	100
5.	Nợ có khả năng	151	100%	75

Trích lập dự phòng cụ thể Mức trích dự phòng chung bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời Điểm lập dự phòng. Ngân hàng Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định Khoản trích dự phòng cụ thể trên cơ sở kết quả phân loại nợ, khả năng tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng tổng số dư nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời Điểm trích lập. Trường hợp số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng lớn hơn mức tối đa, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp số rủi ro trong năm, Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

a. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể

Nhóm 1 : 0,75 %

Nhóm 2 : 5%

Nhóm 3 : 20 %

Nhóm 4 : 50 %

Nhóm 5 : 100 %.

b. Số tiền dự phòng cụ thể

Công thức

$$R = \max \{ 0, (A - C) \} \times r$$

Trong đó : R : số tiền dự phòng cụ thể phải trích

A : giá trị của khoản nợ

C : giá trị tài sản đảm bảo

r : tỷ lệ trích lập dự phòng đảm bảo

c. Tỷ lệ tối đa áp dụng xác định giá trị của tài sản đảm bảo

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ tối đa (%)
Số dư trên tài khoản tiền gửi, sổ tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam tại tổ chức tín dụng	100
Tín phiếu kho bạc, vàng, số dư trên tài khoản tiền gửi, số tiền tiết kiệm bằng ngoại tệ tại tổ chức tín dụng	95
Trái phiếu Chính phủ	
- Có thời hạn còn lại từ 1 năm trở xuống	95
- Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	85
- Có thời hạn còn lại trên 5 năm	80
Thương phiếu, giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng khác	75
Chứng khoán của các tổ chức tín dụng khác	70
Chứng khoán của doanh nghiệp	65
Bất động sản (gồm : nhà ở của dân cư có giấy tờ hợp pháp và/hoặc bất động sản gắn liền với quyền sử dụng đất hợp pháp)	50
Tài sản bảo đảm khác	30

Tỷ lệ vốn tối thiểu = (Tổng vốn/tài sản điều chỉnh theo trọng số rủi ro) > 8%

Tài sản điều chỉnh theo trọng số rủi ro

Tùy theo mỗi loại tài sản sẽ được gán cho một trọng số rủi ro. Theo Basel I (hiện Việt Nam đang áp dụng) trọng số rủi ro của tài sản được chia thành 4 mức là 0%, 20%, 50% và 100% theo mức độ rủi ro của từng loại tài sản. Basel 1 đưa ra 4 loại trọng số rủi ro (0%, 20%, 50% và 100%).

Trọng số rủi ro theo loại tài sản

Trọng số rủi ro	Phân loại tài sản
0,75%	Tiền mặt và vàng nằm trong ngân hàng. Các nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ và Bộ Tài chính.
20%	Các khoản trả nợ của ngân hàng có quy mô lớn Chứng khoán phát hành bởi các cơ quan Nhà nước
50%	Các khoản vay thế chấp nhà ở,...
100%	Tất cả các khoản vay khác như trái phiếu của doanh nghiệp, các khoản nợ từ các nước kém phát triển, các khoản vay thế chấp cổ phiếu, bất động sản,...

Theo bảng trên, nếu một khoản vay không được bảo đảm trị giá 1.000 USD của một tổ chức không phải ngân hàng sẽ có trọng số rủi ro là 100%. Tài sản được điều chỉnh theo trọng số rủi ro lúc đó sẽ được tính bằng $1.000\text{USD} \times 100\% = 1.000\text{USD}$.

Basel II đã khắc phục nhược điểm này. Việc xếp trọng số bao nhiêu tùy thuộc mức độ tín nhiệm (xếp hạng tín dụng) của chủ nợ. Điểm khác biệt nữa trong Basel II là nợ được chia thành 5 nhóm có trọng số lần lượt là 0%, 20%, 50%, 100% và 150%.

Theo đó, các trọng số rủi ro khác nhau với các loại tài sản khác nhau sẽ cho ra những yêu cầu về vốn khác nhau như bảng sau:

Loại tài sản	Trọng số rủi ro	Tỷ lệ vốn	Số tiền	Tài sản điều chỉnh theo trọng số rủi ro	Yêu cầu về vốn tối thiểu
Trái phiếu Chính phủ	0%	8%	1.000 USD	0 USD	0 USD
Trái phiếu đô thị	20%	8%	1.000 USD	200 USD	16 USD
Thế chấp nhà ở	50%	8%	1.000 USD	500 USD	40 USD
Vay không bảo đảm	100%	8%	1.000 USD	1.000 USD	80 USD

Nguyên tắc thứ nhất: ngân hàng cần phải duy trì một lượng vốn đủ lớn để trang trải cho các hoạt động chịu rủi ro của mình, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp (Cột trụ 1). Theo đó, cách tính chi phí vốn đối với rủi ro tín dụng có sự sửa đổi lớn, thay đổi nhỏ với rủi ro thị trường nhưng hoàn toàn là phiên bản mới đối với rủi ro tác nghiệp.

Nguyên tắc thứ hai: ngân hàng cần phải đánh giá một cách đúng đắn về những loại rủi ro mà họ đang phải đối mặt và đảm bảo rằng những giám sát viên sẽ có thể đánh giá được tính đầy đủ của những biện pháp đánh giá này (Cột trụ 2). Với cột trụ này, Basel II nhấn mạnh 4 nguyên tắc của công tác rà soát giám sát:

- + Các ngân hàng cần phải có một quy trình đánh giá được mức độ đầy đủ vốn của họ theo danh mục rủi ro và phải có được một chiến lược đúng đắn nhằm duy trì mức vốn đó.

- + Các giám sát viên nên rà soát và đánh giá lại quy trình đánh giá về mức vốn nội bộ cũng như về các chiến lược của ngân hàng. Họ cũng phải có khả năng giám sát và đảm bảo tuân thủ tỷ lệ vốn tối thiểu. Theo đó, giám sát viên nên thực

hiện một số hành động giám sát phù hợp nếu họ không hài lòng với kết quả của quy trình này.

+ Giám sát viên khuyến nghị các ngân hàng duy trì mức vốn cao hơn mức tối thiểu theo quy định.

+ Giám sát viên nên can thiệp ở giai đoạn đầu để đảm bảo mức vốn của ngân hàng không giảm dưới mức tối thiểu theo quy định và có thể yêu cầu sửa đổi ngay lập tức nếu mức vốn không được duy trì trên mức tối thiểu.

Nguyên tắc thứ ba: ngân hàng cần phải công khai thông tin một cách thích đáng theo nguyên tắc thị trường (Cột trụ 3). Với cột trụ này, Basel II đưa ra một danh sách các yêu cầu buộc các ngân hàng phải công khai thông tin, từ những thông tin về cơ cấu vốn, mức độ đầy đủ vốn đến những thông tin liên quan đến mức độ nhạy cảm của ngân hàng với rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro tác nghiệp và quy trình đánh giá của ngân hàng đối với từng loại rủi ro này.

2.2.7. Công tác bảo đảm tiền vay và quản lý nợ có vấn đề

Thứ nhất, trừ một số ít khách hàng có hoạt động kinh doanh không hiệu quả do kinh doanh thua lỗ, các khoản nợ khó đòi, khó khăn do thay đổi cơ chế, thay đổi chính sách của Nhà nước thì hầu hết các khoản nợ xấu bắt nguồn từ khâu thẩm định trước khi cho vay hời hợt, quá trình kiểm soát mục đích sử dụng vốn vay không chặt chẽ và công tác kiểm tra sau cho vay không được thực hiện đầy đủ của cán bộ tín dụng, dẫn đến không phát hiện kịp thời những khó khăn của khách hàng ngay từ khi vừa xác lập quan hệ.

Không ít khách hàng, khi được kiểm tra về việc sử dụng vốn sau khi vay cho biết chỉ một phần vốn vay thực sự đưa vào kinh doanh, còn lại dùng cho mục đích khác như: sửa nhà, mua sắm vật dụng, thậm chí là tiêu xài cá nhân... Đến khi kinh doanh thua lỗ, không còn nguồn khác để trả nợ ngân hàng, buộc NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng phải phát mãi tài sản của khách hàng.

Thứ hai, về nguồn cung cấp thông tin. Ngoài những thông tin do khách hàng cung cấp, cán bộ tín dụng cũng gặp nhiều khó khăn với các kênh thông tin về

khách hàng. Rất khó kiểm chứng được toàn bộ những thông tin mà khách hàng cung cấp cho ngân hàng là đúng sự thật.

2.3. Đánh giá chung công tác quản lý tín dụng chính sách tại NHCSXH PGD Quận Hồng Bàng

2.3.1 Thành tựu đạt được

Tín dụng đối với hộ nghèo đã đạt được những kết quả nhất định về mặt kinh tế cũng như mặt xã hội, từng bước khẳng định vai trò của NHCSXH trong cộng đồng người nghèo. Chất lượng tín dụng được thể hiện ở sự tăng lên ở sự tăng lên về doanh số cho vay, doanh số thu nợ, sự giảm xuống của tỷ lệ nợ quá hạn. Nhờ nguồn vốn mà nhiều người nghèo trong huyện đã có thêm công ăn việc làm, phát huy hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

Chất lượng tín dụng nhìn chung đảm bảo, tỷ lệ nợ quá hạn ở mức thấp so toàn chi nhánh, chúng tôi vốn tín dụng đã phát huy được hiệu quả khá tốt.

- Tỷ lệ thu nợ, thu lãi hàng năm đạt trên 98% số phải thu.
- Nợ qua hạn ngày càng giảm.
- Thường xuyên tham gia phối hợp trong việc lồng ghép các chương trình tín dụng với các chương trình khuyến nông, khuyến lâm..., qua đó đã giúp cho hộ gia đình ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện tiếp xúc với chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ, tiếp cận khoa học công nghệ, biết cách sử dụng đồng vốn có hiệu quả, góp phần tạo việc làm và làm giảm đói nghèo trên địa bàn.

- Cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đồng tình ủng hộ, chủ trương chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ rất phù hợp với thực tế tại địa phương, nhân dân hồ hởi đón nhận và tạo không khí phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước thực hiện có kết quả chương trình xóa đói, giảm nghèo.

2.3.2 Một số hạn chế

- Vốn chưa đáp ứng được đầy đủ và kịp thời nhu cầu vốn của các hộ nghèo: do hộ nghèo hầu như không có tích lũy nên muốn sản xuất kinh doanh họ lệ thuộc gần như hoàn toàn vào vốn vay. Nguồn vốn của ngân hàng còn hạn chế

và còn phải cho vay các đối tượng chính sách khác nên chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu vay vốn của hộ nghèo.

- Cơ chế cấp vốn cho hộ nghèo còn tiềm ẩn rủi ro cao với lại cách giải ngân vốn tín dụng hiện nay còn khá rườm rà, chi phí cao nên từ đó làm giảm hiệu quả vốn tín dụng ưu đãi

- Trình độ cán bộ, nhân viên còn nhiều bất cập so với nhiệm vụ, để đảm bảo vốn tín dụng cấp ra đúng đối tượng, phù hợp với khả năng sử dụng vốn của hộ nghèo đòi hỏi trình độ năng lực cán bộ tín dụng phải được nâng cao, không chỉ ở trong lĩnh vực chuyên môn mà còn phải chú ý lĩnh vực kinh tế tổng hợp.

- Cơ sở vật chất còn thiếu thốn: điều này hạn chế khả năng mở ra các dịch vụ ngân hàng để đáp ứng nhu cầu của khách hàng là các hộ nghèo.

2.2.3 Nguyên nhân của hạn chế

2.2.3.1 Nguyên nhân chủ quan

- Do trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ nhân viên: Năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, nhân viên trong ngân hàng còn nhiều bất cập so với nhiệm vụ được giao. Đa số hộ nghèo thiếu kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, nên sự tư vấn cho các khách hàng này là cần thiết để vốn vay ưu đãi được đầu tư đúng hướng, có như thế mới phát huy được hiệu quả của vốn tín dụng. Tuy nhiên năng lực trình độ chuyên môn của của các cán bộ nhân viên ngân hàng nhìn chung còn có những hạn chế nhất định, nhất là về trình độ kinh tế tổng hợp. Điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng thẩm định chính xác các dự án xin vay vốn, khả năng tư vấn cho khách hàng.

- Chất lượng Tổ nhóm còn thấp, một số tổ trưởng chưa có trách nhiệm cao trong công việc: Tổ tiết kiệm và vay vốn là do cộng đồng dân cư tự nguyện thành lập trên địa bàn hành chính của xã, được Ủy ban nhân dân (UBND) phường chấp nhận bằng văn bản. Do tổ tiết kiệm và vay vốn bầu chính những người nghèo hay những người thuộc diện gia đình chính sách làm Tổ trưởng nên có sự hạn chế về trình độ năng lực.

- Cơ sở vật còn thiếu thốn, lạc hậu.

- Công tác kiểm tra, giám sát chưa được coi trọng.

- Việc cấp tín dụng không được kết nối các chương trình chuyển giao kỹ thuật do vậy hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

2.2.3.2 Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất: Do nguồn vốn của ngân hàng có tính phụ thuộc cao, trong tổng nguồn vốn thì nguồn do Trung ương cấp là chủ yếu, còn nguồn vốn huy động trên thị trường cũng phụ thuộc vào việc cấp bù lãi suất, mà việc cấp bù này thường là rất chậm, làm cho ngân hàng rất khó khăn về nguồn vốn hoạt động. Đây chính là nguyên nhân khiến ngân hàng khó khăn trong mở rộng quy mô cho vay đối với các hộ nghèo. Hơn nữa do nguồn vốn hoạt động bị hạn chế lại phải phục vụ nhu cầu vay vốn đối tượng khách hàng lớn, điều này rất ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng ưu đãi của ngân hàng.

Thứ hai: Cơ chế cho vay hộ nghèo còn nhiều bất cập:

- Việc giải ngân thông qua các cơ quan chính quyền tạo sự công kênh và tăng chi phí hoạt động, khó kiểm soát các dự án cấp vốn.

- Chưa có quy định thực sự ràng buộc trách nhiệm của các cấp ủy trong việc giải ngân vốn ưu đãi.

- Cách thức giải ngân chưa thực sự chú ý đến hiệu quả, bởi vì các món vay được thực hiện liên tục đối với mỗi hộ nghèo. Chỉ cần hộ nghèo trả xong món nợ cũ là sẽ tiếp tục được vay món mới, điều này làm tiềm ẩn rủi ro rất cao, đồng thời ngân hàng sẽ rất khó nhận biết rủi ro tín dụng.

- Gặp khó khăn trong việc tìm kinh phí xây dựng cơ sở vật chất: Tuy được sự quan tâm của Chính phủ, các cơ quan có liên quan, các ngành nhưng NHCSXH vẫn gặp nhiều khó khăn trong tìm kinh phí để xây dựng các văn phòng làm việc cũng như mua sắm trang thiết bị cần thiết cho hoạt động của ngân hàng.

Tóm tắt chương 2

Trong chương 2 này đã trình bày thực trạng hoạt động tín dụng chính sách NHCSXH quận Hồng Bàng trong giai đoạn 2015-2017. Tín dụng chính sách NHCSXH N quận Hồng Bàng với phương châm vừa làm vừa trau dồi, vừa tự hoàn thiện, tuy nhiên tín dụng chính sách NHCSXH quận Hồng Bàng đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận: lợi nhuận thu được từ hoạt động tín dụng chính sách ngày càng có vị trí quan trọng trong tổng lợi nhuận của NHCSXH quận Hồng Bàng. Thu nhập từ dịch vụ ngày càng tăng, NHCSXH quận Hồng Bàng luôn đa dạng hoá và tăng trưởng các nguồn vốn tài trợ xuất khẩu. Doanh số cho vay xuất khẩu, thị trường đầu tư xuất khẩu được mở rộng tại NHCSXH quận Hồng Bàng liên tục tăng trưởng qua các năm; tín dụng của NHCSXH quận Hồng Bàng có hiệu quả tốt

Bên cạnh đó, NHCSXH quận Hồng Bàng vẫn còn một số điểm tồn tại; Theo cơ chế cho vay vốn giải quyết việc làm hiện nay, việc thẩm định, điều hoà xét duyệt cho vay có nhiều ngành, nhiều cấp tham gia nhưng gắn trách nhiệm với quyền hạn, nên vốn cho vay còn mang tính chất dàn trải, thường là cho vay lại các đối tượng cũ, số việc làm mới tạo ra còn hạn chế, trách nhiệm trong việc cho vay chưa được quy định rõ ràng, dẫn đến nguồn vốn có lúc còn đọng, việc đôn đốc thu nợ quá hạn làm chưa tích cực còn để nợ đọng kéo dài. Theo cơ chế hoạt động hiện nay, việc tạo lập vốn nhằm tăng nguồn vốn cho vay của NHCSXH là rất khách hàng, phải trông chờ vào ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Những tỉnh thu ngân sách thấp rất khó khăn trong việc tăng nguồn vốn cho NHCSXH cho người nghèo và các đối tượng chính sách vay.;... cũng đã đúc rút ra các nguyên nhân dẫn đến tình trạng tín dụng chính sách của ngân hàng hiệu quả chưa cao, từ đó làm nền tảng đưa ra những giải pháp trong chương 3 nhằm thúc đẩy tín dụng chính sách tại NHCSXH quận Hồng Bàng

Chương 3. Hoàn thiện công tác quản lý tín dụng chính sách tại phòng giao dịch ngân hàng CSXH quận Hồng Bàng

3.1. Phương hướng hoạt động tín dụng của PGD NHCSXH quận Hồng Bàng

Công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội đã và đang phát huy hiệu lực, hiệu quả. Công tác giám sát từ xa được chú trọng trong, qua đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng vốn hiệu quả.

Việc đổi mới và đa dạng các hình thức truyền thông đã giúp người dân và các cấp, các ngành nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội.

Việc triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư đã có những tác động tích cực đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Cụ thể, dù NSNN có thời điểm khó khăn, nhưng các bộ, ngành đã quan tâm, tham mưu, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ưu tiên dành nguồn lực để bổ sung cho NHCSXH; Bố trí vốn cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho NHCSXH; Bổ sung vốn điều lệ; Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2018-2020.

Qua đó, đã đảm bảo nguồn lực, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Để tăng cường hoạt động tín dụng chính sách xã hội, NHCSXH đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành bổ sung một số chương trình tín dụng chính sách xã hội mới như: Cho vay hỗ trợ nhà ở xã hội; Cho vay bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo nhanh và bền vững theo; Cho vay hộ mới thoát nghèo; Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà; Cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số...

Dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, NHCSXH quận Hồng Bàng đã phát huy được những thuận lợi cơ bản, nhận thức được những khó khăn trong thời gian tới. Với tinh thần đoàn kết, sáng tạo, làm việc hết mình “Tiếp tục đổi

mới tổ chức và hoạt động theo Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng, từng bước phát triển bền vững, nâng cao sức mạnh cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò là Sở đầu mối của toàn ngành, góp phần thực hiện các mục tiêu của chính sách tiền tệ phục vụ tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, tiến nhanh trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từng bước hội nhập vào thị trường các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới”

3.2 Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tín dụng chính sách tại phòng giao dịch ngân hàng CSXH quận Hồng Bàng

3.2.1 Quan điểm cho vay

NHCSXH hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, cho vay hộ nghèo là giải pháp hỗ trợ vốn nhằm giải quyết công ăn việc làm tiến tới thoát nghèo và vươn lên làm giàu.

Để đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm phát triển ổn định và nâng cao hiệu quả tín dụng đối với hộ nghèo cần dựa trên những quan điểm về đầu tư tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo như sau:

- Quan điểm hỗ trợ: Cơ sở của quan điểm này là các hộ nghèo do thiếu vốn và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh nên cần có sự hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo trong sản xuất kinh doanh cả về vốn cũng như kinh nghiệm sản xuất. Trên quan điểm như vậy thì chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo phải đảm bảo đáp ứng đủ, kịp thời về vốn, thời hạn hợp lý, có sự tư vấn cho người nghèo về việc sử dụng vốn có hiệu quả. Trong giai đoạn hiện nay, việc ưu đãi về lãi suất với người nghèo là hợp lý, nhưng về lâu dài để NHCSXH tồn tại và phát triển bền vững thì cần thiết phải căn cứ theo từng đối tượng khách hàng mà đưa ra những hình thức hỗ trợ phù hợp khác nhau, có thể là hỗ trợ vốn, lãi suất, thời hạn...

- Quan điểm hiệu quả: Xuất phát từ vai trò của tín dụng với tư cách là đòn bẩy kinh tế trong nền kinh tế thị trường, quan điểm này nhấn mạnh việc tín dụng ưu đãi phải tôn trọng tính hiệu quả kinh tế. Muốn vậy công tác cho vay phải thực hiện đúng quy trình tín dụng, tránh tình trạng khoán trắng trong cho vay hộ nghèo. Do vốn hoạt động của NHCSXH chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước để cho vay ưu đãi nên khi cho vay phải xem xét cả hiệu quả kinh tế lẫn hiệu quả xã hội. Tuy nhiên hiệu quả kinh tế phải được đặt lên hàng đầu, có như vậy nguồn vốn cho vay mới được tái tạo và tăng lên không ngừng. Nếu quá chú trọng đến hiệu quả xã hội mà xem nhẹ hiệu quả kinh tế thì không nhất thiết phải cần đến sự hoạt động của thể chế ngân hàng trong việc cấp vốn tín dụng ưu đãi đến hộ nghèo mà nên tài trợ trực tiếp từ ngân sách Nhà nước dưới dạng các khoản cứu trợ.

- Quan điểm bình đẳng, chủ động tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi: Quan điểm này nhấn mạnh nhất thiết có sự bình đẳng và chủ động trong tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi, do vốn tín dụng ưu đãi là ngân sách Nhà nước cấp nên các hộ nghèo đều bình đẳng như nhau khi tiếp cận nguồn vốn này. Mặt khác việc chủ động tiếp cận nguồn vốn của người nghèo sẽ giúp nguồn vốn được phân bổ hợp lý hơn, các hộ nghèo vừa chủ động vừa kiểm soát lẫn nhau trong việc sử dụng vốn.

- Quan điểm phát triển: Quan điểm này đòi hỏi vốn tín dụng ưu đãi phải đồng thời đáp ứng cả hai nhu cầu, đó là vừa giúp hộ nghèo vốn kinh doanh sản xuất, vừa giúp NHCSXH phát triển ổn định và vững mạnh. Muốn vậy cần có sự chuyển đổi linh hoạt trong tín dụng ưu đãi đối với người nghèo, từ khâu cấp tín dụng, bố trí nguồn vốn, lãi suất áp dụng và cơ chế chính sách phù hợp. Đồng thời bản thân NHCSXH phải tự chủ động về nguồn vốn, không thụ động trông chờ vào nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước.

3.2.2 Một số giải pháp nâng cao hiệu quả tín dụng

3.2.2.1 Thực hiện đúng những quy định cho vay

*** Cơ sở của giải pháp :**

Thực hiện đúng, nghiêm túc quy trình tín dụng từ khâu xét duyệt, cho vay và cuối cùng là thu nợ, thu lãi có ý nghĩa quan trọng, quyết định chất lượng tín dụng của NHCSXH. Nó tạo điều kiện thực hiện chế độ tín dụng công khai và dân chủ trong cộng đồng người nghèo, đồng thời cung ứng vốn kịp thời, đúng đối tượng.

***Nội Dung Giải pháp**

Xác định đối tượng vay: Trong địa bàn huyện có một số địa phương chưa xác định rõ ràng được đối tượng vay vốn, nên đã đưa cả những hộ nghèo tuy có sức lao động nhưng không có khả năng sử dụng vốn tín dụng hoặc những hộ tuy có sức nghèo, già cả, neo đơn, không có sức lao động...vào danh sách hộ nghèo được vay vốn. Điều này đã dẫn đến quan niệm sai lầm coi tín dụng đối với hộ nghèo là hình thức cấp phát, mang tính trợ cấp xã hội, làm cho hiệu quả sử dụng vốn thấp. Theo quy định chung về cho vay hộ nghèo của NHCSXH thì NHCSXH cấp tín dụng trên nguyên tắc “cho vay hộ nghèo có sức lao động, có khả năng sản xuất kinh doanh nhưng thiếu vốn”. Như vậy cho hộ nghèo vay cần lựa chọn người vay có điều kiện sử dụng vốn, có điều kiện hoàn trả, tránh biến họ thành con nợ không lối thoát.

Xác định mức cho vay, kỳ hạn cho vay và kỳ hạn nợ

Mức cho vay: phải được xác định dựa vào nhu cầu sản xuất, chăn nuôi của hộ nghèo và giá cả thị trường, nguồn vốn của ngân sách Nhà nước, nguồn trả nợ của người vay.

***Triển khai giải pháp :**

Để thực hiện được giải pháp này cán bộ tín dụng phải có kiến thức, kinh nghiệm về cây trồng, vật nuôi...đồng thời phải tâm huyết với nghề, với hộ nghèo.

Nâng cao chất lượng tín dụng Tổ nhóm

PGD NHCSXH quận Hồng Bàng cho vay tới hộ nghèo thông qua mô hình Tổ nhóm, hoạt động của Tổ nhóm vay vốn giữ một vai trò quan trọng trong công tác cấp tín dụng cho hộ nghèo. Vì vậy PGD NHCSXH quận Hồng Bàng cần phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức Chính trị- Xã hội và các cấp để chỉ đạo, nâng cao chất lượng hoạt động bằng các biện pháp:

- Thực hiện bình xét công khai, dân chủ để lựa chọn Tổ trưởng và lãnh đạo Tổ là những người có năng lực, có đạo đức và tâm huyết với hộ nghèo

***Dự báo kết quả:**

Thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ phải xác định rõ dựa vào chu kỳ sản xuất của cây trồng, vật nuôi. Thời hạn cho vay phải phù hợp chu kỳ sản xuất theo công thức: Thời hạn cho vay = (bằng) chu kỳ sản xuất + (cộng) thời gian tiêu thụ sản phẩm. áp dụng chính xác công thức này thì các hộ nghèo mới đảm bảo được thời gian thu hồi vốn trả nợ.

- Duy trì và củng cố các Tổ nhóm nhằm nâng cao chất lượng hoạt động bằng cách thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Tổ nhóm để tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm.

- Chi trả đầy đủ, kịp thời hoa hồng cho Tổ trưởng nhằm động viên họ thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Tăng cường kiểm tra giám sát Tổ trưởng tránh tình trạng Tổ trưởng thu nợ, thu lãi không nộp vào ngân hàng.

3.2.2.2 Nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hơn, hoàn thiện hơn

*** Cơ sở của giải pháp :**

Cơ sở hạ tầng luôn là điều kiện nền tảng, có tính quyết định đến hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng. Các tổ chức này sẽ không thể mở ra các dịch vụ mới, chẳng hạn dịch vụ kế toán, nếu như hệ thống thanh toán của nó không được hiện đại hóa, người dân sẽ không đặt nhiều niềm tin vào tổ chức tín dụng

một khi cơ sở vật chất của nó thiếu khàng trang. Bản thân văn phòng làm việc cũng phải đi thuê thì rất khó tạo được niềm tin để người có tiền tiết kiệm ký thác các khoản tiền vào đó. Hơn nữa trong điều kiện cơ sở vật chất thiếu thốn, lạc hậu thì cũng rất khó kích thích tinh thần say mê công việc của cán bộ, nhân viên trong cơ quan. Sự suy giảm niềm tin, tận tụy của cán bộ nhân viên trong cơ quan, sự thiếu niềm tin về một sự phát triển bền vững của bản thân các hộ nghèo nói riêng cũng như đông đảo các tầng lớp trong xã hội nói chung. Làm cho hoạt động của tổ chức tín dụng suy yếu, bế tắc và khó khăn.

***Nội Dung Giải pháp**

Nâng cấp hạ tầng cơ sở tài chính cho toàn hệ thống NHCSXH là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay, vì các lý do sau:

Tạo điều kiện cần thiết để NHCSXH hoạt động thực hiện tốt nhiệm vụ đặt ra là cho vay vốn ưu đãi cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách, một loại đối tượng đặc thù chịu nhiều thiệt thòi trong xã hội rất cần được quan tâm hỗ trợ. Sự hỗ trợ này hiệu quả đến mức nào lại phụ thuộc rất nhiều vào lòng say mê, tận tâm của đội ngũ cán bộ, nhân viên của NHCSXH. Sự tận tâm của họ chỉ có được một khi bản thân các cán bộ này cũng có được sự quan tâm đúng mức.

***Triển khai giải pháp :**

Cơ sở hạ tầng tài chính được nâng cấp sẽ tạo tiền đề cho NHCSXH mở ra các dịch vụ mới phục vụ cho các khách hàng là hộ nghèo nói riêng cũng như toàn xã hội nói chung. Đặc biệt là các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nơi mà các dịch vụ ngân hàng hiện đại nhìn chung rất ít được triển khai. Hơn nữa, khi cơ sở hạ tầng tài chính được nâng cấp sẽ tạo điều kiện cho NHCSXH từng bước tăng tính chủ động trong hoạt động của mình, thông qua đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đa dạng hóa các đối tượng vay vốn từ NHCSXH, trên cơ sở đó thì NHCSXH mới hoạt động được vững.

***Dự báo kết quả:**

Đáp ứng tốt cho sự hoạt động của ngân hàng chính là một cách tạo niềm tin cho các hộ nghèo biết cam kết mạnh mẽ của Chính phủ về cuộc chiến chống đói nghèo trên mọi lĩnh vực.

3.2.2.3 Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

*** Cơ sở của giải pháp :**

Trong điều kiện đang chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức, nguồn nhân lực luôn được tất cả các tổ chức kinh tế đề cao và coi đó là nhân tố có tính quyết định để chiến thắng trong cạnh tranh, có thể nói nguồn nhân lực là nguồn tài nguyên số một của bất cứ quốc gia nào. Nhưng nguồn nhân lực chỉ đóng được vai trò quyết định khi nó đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng. Với NHCSXH, do có tính đặc thù không vì mục tiêu lợi nhuận nên yếu tố cạnh tranh trên thị trường không được đề cao. Nhất là hiện nay ở huyện Na Rì chưa xuất hiện nhiều ngân hàng nên cũng không có sự cạnh tranh. Tuy nhiên hoạt động để thực hiện nhiệm vụ chính trị rất quan trọng là đầu tư vốn ưu đãi để giúp các hộ nghèo và đối tượng chính sách từng bước thoát nghèo, nên yếu tố con người lại càng phải được đề cao. Nên đội ngũ cán bộ nhân viên không đủ về số lượng năng lực chuyên môn và trình độ kinh tế tổng hợp thì sẽ rất khó khăn để ngân hàng thực hiện được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

***Nội Dung Giải pháp**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đã được đề ra thì cần phải tăng số lượng cán bộ nhân viên đi đôi với tăng chất lượng cán bộ, để PGD NHCSXH quận Hồng Bàng thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình đòi hỏi trình độ năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ nhân viên phải cao, không chỉ trình độ chuyên môn ngân hàng mà còn ở trình độ kinh tế tổng hợp như về quy trình sản xuất nông nghiệp, hiểu biết về kỹ thuật canh tác, cây trồng, vật nuôi....Tuy nhiên hiện nay trình độ của cán bộ nhân viên PGD NHCSXH quận Hồng Bàng còn nhiều bất cập, thiếu kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh tế tổng hợp. Chính điều này đã làm hạn chế khả năng tư vấn cho các hộ nghèo trong sản xuất kinh doanh và một phần sự phụ thuộc vào các hội đoàn thể trong kiểm tra, kiểm soát vốn vay từ các hộ nghèo là tất yếu.

***Triển khai giải pháp :**

PGD NHCSXH quận Hồng Bàng cần chú ý nâng cao năng lực chuyên môn và trình độ kinh tế tổng hợp của cán bộ trong ngân hàng, bằng cách cử cán bộ của ngân hàng tham gia các khóa đào tạo về kiến thức kinh tế các ngành liên quan. Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra và trên cơ sở đó chất lượng tín dụng của NHCSXH sẽ được nâng cao. Quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng là các hộ nghèo và các đối tượng chính sách càng thêm vững chắc, PGD NHCSXH quận Hồng Bàng mới thật sự là người bạn đồng hành trong chiến lược thoát nghèo của các đối tượng chính sách Mặt khác cũng cần chú trọng giáo dục ý thức đạo đức nghề nghiệp trong cán bộ nhân viên để họ có sự đồng cảm, quan tâm chia sẻ với hoàn cảnh các hộ nghèo và tránh tình trạng thiếu lòng tin vào các hộ nghèo làm cho quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng thêm xa cách.

***Dự báo kết quả:**

Đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra và trên cơ sở đó chất lượng tín dụng của NHCSXH sẽ được nâng cao. Quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng là các hộ nghèo và các đối tượng chính sách càng thêm vững chắc, PGD NHCSXH quận Hồng Bàng mới thật sự là người bạn đồng hành trong chiến lược thoát nghèo của các đối tượng chính sách Mặt khác cũng cần chú trọng giáo dục ý thức đạo đức nghề nghiệp trong cán bộ nhân viên để họ có sự đồng cảm, quan tâm chia sẻ với hoàn cảnh các hộ nghèo và tránh tình trạng thiếu lòng tin vào các hộ nghèo làm cho quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng thêm xa cách.

3.2.2.4 Tăng cường hiệu quả hoạt động kiểm tra nội bộ*** Cơ sở của giải pháp :**

Phương thức giải ngân vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo chủ yếu là ủy thác qua các tổ chức Chính trị- Xã hội vì vậy nếu không thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ và thường xuyên sẽ dẫn tới việc vốn vay bị sử dụng sai mục đích, thậm chí bị bòn rút bất hợp pháp.

***Nội Dung Giải pháp**

Do đặc điểm của vốn tín dụng ưu đãi với hộ nghèo, đối tượng vay vốn tập chung rải rác ở vùng sâu, vùng xa là chủ yếu, mục đích sử dụng vốn đa dạng nên công tác kiểm tra, giám sát rất phức tạp và mất nhiều thời gian. Tuy nhiên việc làm này là rất cần thiết, kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn sẽ góp phần nhắc nhở hộ nghèo sử dụng vốn vay đúng mục đích, phát hiện những sai phạm và có biện pháp xử lý kịp thời, đồng thời góp phần tìm ra những bất hợp lý của chính sách tín dụng ưu đãi để sửa đổi cho phù hợp.

***Triển khai giải pháp :**

Công tác kiểm tra, kiểm soát phải được coi trọng, vì ngành mới thành lập, cán bộ phần đa là mới, trước chưa tiếp xúc nhiều với công việc nghiệp vụ chuyên môn ngày càng nhiều cho nên cần phải tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát từng chuyên đề theo kế hoạch kiểm tra điểm hoặc đột xuất để kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình thủ tục cho vay

***Dự báo kết quả:**

Nhắc nhở người vay trả nợ, lãi đúng hạn, đầy đủ, phát hiện và thông báo cho ngân hàng những trường hợp sử dụng vốn sai mục đích, bị rủi ro. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của tổ chức hội trong việc kiểm tra vốn vay, đảm bảo việc kiểm tra phải kịp thời và có chất lượng.

3.2.2.5 Cấp tín dụng phải kết hợp với chuyển giao kỹ thuật

*** Cơ sở của giải pháp :**

Việc cấp tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo muốn đạt được mục tiêu xóa đói giảm nghèo thì cần phải nâng cao trình độ sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi của hộ nghèo. Thực tế cho vay hộ nghèo của PGD NHCSXH quận Hồng Bàng cho thấy việc cấp tín dụng cho hộ nghèo không được kết nối các chương trình chuyển giao kỹ thuật, do vậy đem lại hiệu quả chưa cao, vì vậy đồng thời với việc cấp tín dụng cho hộ nghèo cần phải chú ý

***Triển khai giải pháp :**

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt.
- Tạo điều kiện cho các hộ nghèo tiếp cận khoa học công nghệ, phương thức sản xuất.

- Kết hợp đồng thời việc cấp tín dụng với hướng dẫn khoa học, kỹ thuật, trông trọt, chăn nuôi, cách làm ăn, sử dụng vốn vay.

***Nội Dung Giải pháp**

Thực hiện đồng bộ các chính sách xóa đói giảm nghèo, lồng ghép chương trình tín dụng với chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư

***Dự báo kết quả:**

Thực hiện chuyển vốn cho những hộ nghèo qua các dự án khả thi, các dự án này phải phù hợp với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế của địa phương.

3.3 Một số kiến nghị

3.3.1 Kiến nghị với cơ quan nhà nước

Xóa đói giảm nghèo có tính nhạy cảm cao, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên đây là nhiệm vụ khó khăn phức tạp, lâu dài, trách nhiệm không chỉ của riêng ai mà phải có sự phối hợp trách nhiệm của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương. Đề nghị nhà nước có sự chỉ đạo chặt chẽ để các Bộ, Ngành liên quan nâng cao hơn nữa trách nhiệm của mình trong việc phối hợp với NHCSXH cho vay xóa đói giảm nghèo. Có chính sách đồng bộ trong việc phát triển kinh tế xã hội, gắn với xóa đói giảm nghèo. Xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ phạm vi quốc gia do vậy khi hoạch định chiến lược phát triển kinh tế- xã hội quốc gia hoặc vùng lãnh thổ phải coi trọng vị trí, nhiệm vụ công tác xóa đói giảm nghèo cụ thể và hiệu quả, phải đặt công tác cho vay hộ nghèo trong tổng thể nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo, bên cạnh cho vay phải hỗ trợ người nghèo về công nghệ, kỹ thuật...

- Chỉ đạo các cấp, các ngành có liên quan điều tra, thống kê chính xác số hộ nghèo để NHCSXH cho vay đúng đối tượng, có hiệu quả.

- Ủy ban nhân dân quận hàng năm trích một phần ngân sách địa phương tiết kiệm chi tiêu chuyển sang NHCSXH để bổ sung nguồn vốn cho vay hộ nghèo giải quyết việc làm. Chỉ đạo các cấp, các ngành quy hoạch các vùng, ngành, tổ chức tốt việc khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao

công nghệ kỹ thuật...giúp người vay vốn của NHCSXH có cơ hội đầu tư các dự án có hiệu quả.

- Đảm bảo an toàn đồng vốn vay, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cấp, ngành có liên quan, kết hợp tốt với NHCSXH trong việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân tham ô, lợi dụng, chây ì cố tình không trả nợ ngân hàng.

Các tổ chức chính trị- xã hội như Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh... cần có sự phối hợp tốt với NHCSXH trong hoạt động cho vay hộ nghèo, quan tâm tăng vốn cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách, bên cạnh đó phải tăng cường công tác kiểm tra giám sát công tác giải ngân vốn ưu đãi, giám sát tình hình sử dụng vốn vay, thường xuyên giúp đỡ, phổ biến cách thức sản xuất kinh doanh cho các hộ nghèo nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của họ, từ đó góp phần nâng cao chất lượng tín dụng ưu đãi.

Các tổ chức chính trị- xã hội nhận dịch vụ ủy thác cần có chương trình kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức chính trị cấp cơ sở trong việc thực hiện hợp đồng ủy thác, làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, giám sát hoạt động của tổ tiết kiệm, lồng ghép các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội với chương trình tín dụng, hướng dẫn người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả.

3.3.2 Kiến nghị với NHCSXH

- Đề nghị NHCSXH tỉnh chuyển vốn đầy đủ, kịp thời để PGD NHCSXH quận Hồng Bàng cho vay đáp ứng kịp thời nhu cầu thiếu vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

- Sớm hoàn thiện cơ chế cho vay đồng bộ đối với hộ nghèo, đảm bảo hành lang pháp lý giúp các chi nhánh cho vay thuận lợi, đúng pháp luật, có hiệu quả.

- Đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất như: vốn xây dựng trụ sở làm việc, máy vi tính, đặc biệt là nghiên cứu cung ứng các phần mềm tiện ích phục vụ giao dịch thuận tiện, sớm kết nối mạng thanh toán trên toàn quốc để thực hiện các dịch vụ thanh toán nhằm tăng cường vốn trong thanh toán mở rộng quy mô hoạt động, tăng thu nhập, đảm bảo tài chính.

Tóm tắt chương 3

Căn cứ vào tín dụng chính sách tại NHCSXH PGD quận Hồng Bàng, chiến lược phát triển của NHCSXH PGD quận Hồng Bàng đến năm 2025, chuyên đề đã ra các giải pháp góp phần thúc đẩy hoạt động tín dụng chính sách tại NHCSXH PGD quận Hồng Bàng, trong thời gian tới, đó là giải pháp :

Thực hiện đúng những quy định cho vay

Nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hơn, hoàn thiện hơn

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tăng cường hiệu quả hoạt động kiểm tra nội bộ

Cấp tín dụng phải kết hợp với chuyển giao kỹ thuật

KẾT LUẬN

Hoà chung với công cuộc đổi mới của nền kinh tế, NHCSXH PGD quận Hồng Bàng đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện trên nhiều mặt hoạt động đặc biệt là đối với hoạt động tín dụng là một hoạt động cơ bản nắm vai trò là hoạt động xương sống tại Sở. Với sự cố gắng hết mình của toàn thể các cán bộ công nhân viên trong sự giúp đỡ tận dùng của các ban ngành trong những năm qua Sở đã đạt được những thành tựu đáng kể, không những mang lại hiệu quả cho bản thân PGD mà còn góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho dân cư, tăng thu cho ngân sách Nhà nước...

Tuy nhiên trong quá trình phát triển và hoàn thiện PGD đã gặp không ít khó khăn trong hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng như tình trạng nợ quá hạn... Vậy để hoạt động kinh doanh trong thời gian tới được hiệu quả hơn đòi hỏi sự nỗ lực quyết tâm của Sở cũng như sự hỗ trợ của Trung tâm điều hành, và các ban ngành có liên quan. Em hy vọng rằng trong thời gian tới PGD sẽ thực sự là địa chỉ tin cậy đối với các khách hàng thuộc mọi thành phần kinh tế.

Những thành tích trên đây là có sự đóng góp công sức của toàn thể cán bộ công nhân viên toàn ngân hàng. Đồng thời đã góp phần nhỏ công sức xây dựng hệ thống Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội Việt Nam hoạt động an toàn hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Nghị định 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Hà Nội.
2. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Công văn số 291/CV-CP về điều chỉnh một số điểm của Nghị định 78/2002/NĐ, Hà Nội.
3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), Quyết định 131/2002/QĐ-TTg thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội, Hà Nội.
4. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), Nghị quyết số 30/A/2008/NQCP: Về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo, Hà Nội.
5. Học viện Ngân hàng (2001), Giáo trình Tín dụng ngân hàng, Nxb Thống kê, Hà Nội.
6. Hội đồng Dân tộc Quốc hội (2011), Chính sách cho vay vốn, tạo việc làm đối với đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay - thực trạng và giải pháp, Hà Nội.
7. Trần Thị Hạnh (2009), Quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM cổ phần Quân Đội, chi nhánh Đồng Nai.
8. Nguyễn Viết Hồng (2011), “Về việc tách bạch tín dụng chính sách với tín dụng thương mại trong hoạt động ngân hàng”, Tạp chí Ngân hàng (3), tr 22-29, Hà Nội.
9. Ngô Thị Huyền (2008), Giải pháp tín dụng ngân hàng đối với hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Học viện Ngân hàng, Hà Nội.